

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 101 Men 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 27.70 # 10/2024		Pham Thanh Bao		Ben Tre		
KLQG: 27.70 #						
Name		Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals						
1	Pham Thanh, Bao	24	Vinh Long	28.49	28.37	
	r:+0.60					
2	Ta Minh, Hieu	20	Hai Phong	29.52	29.32	
	r:+0.60					
3	Bui Sy, Nhat	18	TP Ho Chi Minh	29.61	29.44	
	r:+0.65					
4	Nguyen Huu, Kim Son	23	Da Nang	29.89	29.56	
	r:+0.62					
5	Le Thanh, Duoc	21	Quan Doi	29.98	29.96	
	r:+0.65					
6	Le Trong, Phuc	20	An Giang	30.59	30.25	
	r:+0.60					
7	Tran Anh, Tu	17	TP Ho Chi Minh	30.64	30.47	
	r:+0.69					
8	Vo Van, Tien	15	Dong Thap	30.51	30.99	
	r:+0.69					

Event 101 Men 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 27.70 # 10/2024		Pham Thanh Bao		Ben Tre		
KLQG: 27.70 #						
Name		Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries						
1	Pham Thanh, Bao r:+0.62	24	Vinh Long	28.00	28.49	q
2	Ta Minh, Hieu r:+0.60	20	Hai Phong	28.50	29.52	q
3	Bui Sy, Nhat r:+0.65	18	TP Ho Chi Minh	29.53	29.61	q
4	Nguyen Huu, Kim Son r:+0.63	23	Da Nang	29.50	29.89	q
5	Le Thanh, Duoc r:+0.62	21	Quan Doi	29.00	29.98	q
6	Vo Van, Tien r:+0.67	15	Dong Thap	30.50	30.51	q
7	Le Trong, Phuc r:+0.63	20	An Giang	29.70	30.59	q
8	Tran Anh, Tu r:+0.69	17	TP Ho Chi Minh	30.39	30.64	q
9	Mai Duc, Hieu r:+0.64	15	Quan Doi	30.70	31.16	
10	Nguyen Van, Thang r:+0.68	25	Ha Noi	30.00	31.68	
11	Nguyen Ngoc, Long r:+0.62	21	Cong An Nhan Dan	30.00	32.12	
12	Le Xuan, An r:+0.61	15	Ha Noi	31.00	32.39	
---	Banh Tien, Hung r:+0.69	14	TP Ho Chi Minh	NT	X31.36	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 101 Men 50 LC Meter Breaststroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Ta Viet, Anh	17	Quan Doi	NT	X31.85
r:+0.63				
--- Ha Huy, Tien	16	Ha Noi	NT	X33.59
r:+0.70				
--- Tran Phi, Long	12	Quan Doi	NT	X37.46
r:+0.85				

Event 102 Women 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 32.46 # 12/2010		Pham Thi Hue		Quang Binh		
Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Thuy, Hien r:+0.56	16	Quan Doi	32.00	32.29#	
2	Vo Thi, My Tien r:+0.68	20	Tay Ninh	33.45	33.40	
3	Vu Thi, Phuong Anh r:+0.71	24	TP Ho Chi Minh	33.60	33.55	
4	Bui Quynh, Anh r:+0.71	16	Ha Noi	34.00	33.83	
5	Nguyen Thi, Yen Nhi r:+0.73	16	Hai Phong	33.00	34.17	
6	Pham Chau, Hoang Ha r:+0.61	13	Quang Tri	35.50	35.26	
7	Luong Thi, Minh Nguyệt r:+0.75	14	Thanh Hóa	34.00	36.19	
8	Le Diem, Quynh r:+0.66	19	Ha Noi	35.00	38.22	

Event 103 Men 100 LC Meter Freestyle

KLQG:		49.03	#	2017	Hoang Quy Phuoc		Da Nang		
Name					Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final									
1	Luong Jeremie, Loic Nino				25	TP Ho Chi Minh	51.77	50.30	
	r:+0.62		24.32		50.30 (25.98)				
2	Hoang Quy, Phuoc				32	Da Nang	53.22	50.83	
	r:+0.62		24.80		50.83 (26.03)				
3	Tran Van, Nguyen Quoc				17	Da Nang	54.88	51.13	
	r:+0.62		25.07		51.13 (26.06)				
4	Do Ngoc, Vinh				21	Ha Noi	53.10	51.70	
	r:+0.63		25.29		51.70 (26.41)				
5	Trinh Truong, Vinh				18	TP Ho Chi Minh	55.49	52.38	
	r:+0.71		24.98		52.38 (27.40)				
6	Lieu Chi, Vy				17	An Giang	54.34	53.88	
	r:+0.70		25.87		53.88 (28.01)				
7	Ngo Ba, Gia Kiet				15	Hai Phong	57.66	57.40	
	r:+0.68		27.28		57.40 (30.12)				
8	Phan Quoc, Khanh				13	Quang Tri	57.44	57.55	
	r:+0.62		27.09		57.55 (30.46)				

Event 103 Men 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 49.03 # 2017		Hoang Quy Phuoc		Da Nang	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Luong Jeremie, Loic Nino	25	TP Ho Chi Minh	50.60	51.77	q
r:+0.60 24.49	51.77 (27.28)				

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 103 Men 100 LC Meter Freestyle)

Name		Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
2	Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	51.50	53.10	q
	r:+0.66 25.85	53.10	(27.25)			
3	Hoang Quy, Phuoc	32	Da Nang	49.90	53.22	q
	r:+0.66 25.33	53.22	(27.89)			
4	Liêu Chi, Vy	17	An Giang	53.00	54.34	q
	r:+0.74 26.36	54.34	(27.98)			
5	Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	50.20	54.88	q
	r:+0.67 26.47	54.88	(28.41)			
6	Trinh Truong, Vinh	18	TP Ho Chi Minh	52.18	55.49	q
	r:+0.74 26.90	55.49	(28.59)			
7	Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	56.50	57.44	q
	r:+0.56 27.51	57.44	(29.93)			
8	Ngo Ba, Gia Kiet	15	Hai Phong	56.00	57.66	q
	r:+0.64 27.60	57.66	(30.06)			
9	Nguyen Huu, Duc	18	Ha Noi	56.00	57.80	
	r:+0.66 27.48	57.80	(30.32)			
10	Le Nhat, Quang	18	Hai Phong	56.00	1:03.07	
	r:+0.71 29.03	1:03.07	(34.04)			
---	Nguyen Quoc, Khai Hoan	22	Da Nang	NT	X52.19	
	r:+0.59 25.30	52.19	(26.89)			
---	Nguyen Quoc, Thuan	18	TP Ho Chi Minh	NT	X53.79	
	r:+0.72 25.88	53.79	(27.91)			
---	Bui Minh, Khang	17	TP Ho Chi Minh	NT	X54.16	
	r:+0.71 26.46	54.16	(27.70)			
---	Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	NT	X54.39	
	r:+0.64 26.25	54.39	(28.14)			
---	Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	NT	X54.72	
	r:+0.60 26.25	54.72	(28.47)			
---	Le Do, Gia Khang	20	TP Ho Chi Minh	NT	X54.85	
	r:+0.62 26.62	54.85	(28.23)			
---	Nguyen Phan, Nhat Quang	17	TP Ho Chi Minh	NT	X54.95	
	r:+0.62 26.97	54.95	(27.98)			
---	Dao Nguyen, Thanh Vinh	16	Quan Doi	NT	X54.96	
	r:+0.59 26.67	54.96	(28.29)			
---	Banh Tien, Hung	14	TP Ho Chi Minh	NT	X55.41	
	r:+0.72 27.11	55.41	(28.30)			
---	Ha Van, Toan	16	Ha Noi	NT	X58.71	
	r:+0.77 28.17	58.71	(30.54)			
---	Pham Truong, Thinh	13	TP Ho Chi Minh	NT	X59.09	
	r:+0.53 28.48	59.09	(30.61)			
---	Pham Nhat, Anh	14	Ha Noi	NT	X59.66	
	r:+0.62 28.88	59.66	(30.78)			

Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 55.76 # 8/2017		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi		
Name		Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final						
1	Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	1:00.27	56.44	
	r:+0.54 27.33	56.44	(29.11)			
2	Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	1:00.47	57.27	
	r:+0.62 27.73	57.27	(29.54)			
3	Pham Thi, Van	20	Thanh Hóa	58.65	57.55	
	r:+0.67 27.97	57.55	(29.58)			

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

A - Final ... (Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle)

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
4	Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	1:00.96	58.54	
	r:+0.67 28.16	58.54 (30.38)				
5	Huynh Xuan Mai, Bella	17	Da Nang	1:00.58	59.88	
	r:+0.68 28.92	59.88 (30.96)				
6	Phan Thi, Thuy An	15	Quan Doi	1:01.22	1:00.80	
	r:+0.69 29.57	1:00.80 (31.23)				
7	Nguyen Doan, Minh Anh	16	Da Nang	1:00.78	1:00.97	
	r:+0.50 29.31	1:00.97 (31.66)				
8	Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	1:01.94	1:01.64	
	r:+0.53 29.41	1:01.64 (32.23)				

Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 55.76 # 8/2017		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries					
1	Pham Thi, Van	20	Thanh Hoa	56.40	58.65 q
	r:+0.69 28.51	58.65 (30.14)			
2	Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	55.00	1:00.27 q
	r:+0.57 29.02	1:00.27 (31.25)			
3	Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	58.07	1:00.47 q
	r:+0.65 29.14	1:00.47 (31.33)			
4	Huynh Xuan Mai, Bella	17	Da Nang	1:00.00	1:00.58 q
	r:+0.71 29.58	1:00.58 (31.00)			
5	Nguyen Doan, Minh Anh	16	Da Nang	59.00	1:00.78 q
	r:+0.64 29.26	1:00.78 (31.52)			
6	Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	57.89	1:00.96 q
	r:+0.74 28.84	1:00.96 (32.12)			
7	Phan Thi, Thuy An	15	Quan Doi	59.00	1:01.22 q
	r:+0.74 29.88	1:01.22 (31.34)			
8	Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	1:01.00	1:01.94 q
	r:+0.57 29.69	1:01.94 (32.25)			
9	Pham Thi, Phuong Anh	13	Ninh Binh	1:01.50	1:03.83
	r:+0.66 30.37	1:03.83 (33.46)			
10	Hoang Thi, Trang	24	Thanh Hoa	59.00	1:05.23
	r:+0.80 31.34	1:05.23 (33.89)			
11	Nguyen Ngoc, Giang	16	Ha Noi	1:03.00	1:06.07
	r:+0.75 30.79	1:06.07 (35.28)			
12	Dinh Thi, Ngoc Diep	18	Ha Noi	1:03.00	1:06.56
	r:+0.70 31.61	1:06.56 (34.95)			
13	Bui Ngoc, Lan Anh	12	Vinh Long	1:03.00	1:07.00
	r:+0.60 32.30	1:07.00 (34.70)			
14	Nguyen Thi, Yen Nhi	16	Hai Phong	1:04.00	1:07.12
	r:+0.72 31.25	1:07.12 (35.87)			
---	Vu Thi, Phuong Anh	17	TP Ho Chi Minh	NT	X59.15
	r:+0.67 28.74	59.15 (30.41)			
---	Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	NT	X59.72
	r:+0.67 28.84	59.72 (30.88)			
---	Nguyen Ngoc, Thuy Tien	17	TP Ho Chi Minh	NT	X1:00.18
	r:+0.74 29.05	1:00.18 (31.13)			
---	Tran Anh, Thu	16	Quan Doi	NT	X1:00.98
	r:+0.73 29.35	1:00.98 (31.63)			
---	Hoang Thi, Hai Yen	15	Da Nang	NT	X1:04.94
	r:+0.68 31.11	1:04.94 (33.83)			

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Le Huong, Giang	13	Ha Noi	NT	X1:09.32
r:+0.67 32.83	1:09.32 (36.49)			
--- Nguyen Thi, Anh Ngoc	15	Ha Noi	NT	X1:10.54
r:+0.69 32.42	1:10.54 (38.12)			

Event 105 Men 400 LC Meter IM

KLQG: 4:18.10 # 5/2022		Tran Hung Nguyen		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	4:19.00	4:20.90	
r:+0.65 27.99	59.72 (31.73)	1:34.56 (34.84)	2:08.88 (34.32)		
2:45.10 (36.22)	3:21.21 (36.11)	3:51.77 (30.56)	4:20.90 (29.13)		
2 Tran Hung, Nguyen	22	Quan Doi	4:19.00	4:21.08	
r:+0.67 28.39	1:00.49 (32.10)	1:35.53 (35.04)	2:09.45 (33.92)		
2:45.52 (36.07)	3:21.66 (36.14)	3:52.18 (30.52)	4:21.08 (28.90)		
3 Cao Van, Dung	22	Ha Noi	4:25.00	4:28.76	
r:+0.67 28.05	1:00.23 (32.18)	1:35.36 (35.13)	2:09.46 (34.10)		
2:46.98 (37.52)	3:24.52 (37.54)	3:56.66 (32.14)	4:28.76 (32.10)		
4 Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	4:47.00	4:42.44	
r:+0.65 29.13	1:02.79 (33.66)	1:39.06 (36.27)	2:14.32 (35.26)		
2:55.93 (41.61)	3:37.96 (42.03)	4:11.12 (33.16)	4:42.44 (31.32)		
5 Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	4:46.10	4:46.89	
r:+0.66 28.67	1:01.84 (33.17)	1:40.60 (38.76)	2:17.83 (37.23)		
2:59.41 (41.58)	3:41.80 (42.39)	4:14.74 (32.94)	4:46.89 (32.15)		
6 Nguyen Tri, Phong	17	Can Tho	4:32.00	4:47.10	
r:+0.68 29.04	1:01.98 (32.94)	1:39.26 (37.28)	2:15.60 (36.34)		
2:58.36 (42.76)	3:41.32 (42.96)	4:14.41 (33.09)	4:47.10 (32.69)		
7 Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	4:54.00	4:57.78	
r:+0.62 28.46	1:01.71 (33.25)	1:40.08 (38.37)	2:18.07 (37.99)		
3:03.15 (45.08)	3:48.44 (45.29)	4:23.11 (34.67)	4:57.78 (34.67)		
8 Pham Quoc, Cuong	12	Vinh Long	4:50.00	5:14.98	
r:+0.62 32.85	1:09.26 (36.41)	1:50.03 (40.77)	2:27.87 (37.84)		
3:17.99 (50.12)	4:05.00 (47.01)	4:40.88 (35.88)	5:14.98 (34.10)		

Event 106 Women 200 LC Meter IM

KLQG: 2:12.33 # 8/2015		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	2:39.33	2:19.27	
r:+0.66 29.01	1:06.49 (37.48)	1:47.20 (40.71)	2:19.27 (32.07)		
2 Nguyen Ngoc, Tuyet Han	16	Dong Thap	2:32.95	2:22.66	
r:+0.63 30.56	1:07.03 (36.47)	1:49.95 (42.92)	2:22.66 (32.71)		
3 Le Thi, Thuy Trang	17	Da Nang	2:38.24	2:22.83	
r:+0.66 30.60	1:08.23 (37.63)	1:50.58 (42.35)	2:22.83 (32.25)		
4 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	2:38.51	2:27.83	
r:+0.67 31.72	1:10.38 (38.66)	1:54.44 (44.06)	2:27.83 (33.39)		
5 Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	2:37.57	2:31.42	
r:+0.71 30.55	1:12.07 (41.52)	1:56.25 (44.18)	2:31.42 (35.17)		
6 Pham Chau, Hoang Ha	13	Quang Tri	2:39.94	2:37.73	
r:+0.68 33.66	1:16.69 (43.03)	2:00.62 (43.93)	2:37.73 (37.11)		
7 Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	2:41.22	2:38.06	
r:+0.53 32.97	1:15.02 (42.05)	2:00.72 (45.70)	2:38.06 (37.34)		
--- Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	2:38.10	NS	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 106 Women 200 LC Meter IM

KLQG: 2:12.33 # 8/2015		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Ngoc, Tuyet Han	16	Dong Thap	2:20.00	2:32.95	q
r:+0.63 32.13	1:12.08 (39.95)	1:57.20 (45.12)	2:32.95 (35.75)		
2 Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	2:22.00	2:37.57	q
r:+0.76 33.69	1:17.09 (43.40)	2:01.53 (44.44)	2:37.57 (36.04)		
3 Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	2:30.00	2:38.10	q
r:+0.57 33.06	1:14.29 (41.23)	2:03.48 (49.19)	2:38.10 (34.62)		
4 Le Thi, Thuy Trang	17	Da Nang	2:22.00	2:38.24	q
r:+0.71 32.42	1:13.42 (41.00)	2:01.43 (48.01)	2:38.24 (36.81)		
5 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	2:23.00	2:38.51	q
r:+0.67 33.85	1:13.92 (40.07)	2:00.90 (46.98)	2:38.51 (37.61)		
6 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	2:16.80	2:39.33	q
r:+0.73 32.82	1:15.18 (42.36)	2:00.73 (45.55)	2:39.33 (38.60)		
7 Pham Chau, Hoang Ha	13	Quang Tri	2:30.00	2:39.94	q
33.12	1:16.44 (43.32)	2:00.91 (44.47)	2:39.94 (39.03)		
8 Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	2:35.00	2:41.22	q
34.62	1:17.44 (42.82)	2:03.07 (45.63)	2:41.22 (38.15)		
9 Nguyen Ngoc, Giang	16	Ha Noi	2:45.00	2:49.50	
r:+0.80 33.76	1:15.31 (41.55)	2:07.64 (52.33)	2:49.50 (41.86)		
10 Nguyen Doan, Minh Anh	16	Da Nang	2:30.00	3:05.64	
r:+0.68 36.50	1:25.40 (48.90)	2:23.01 (57.61)	3:05.64 (42.63)		

Event 107 Mixed 4x200 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 7:59.90 # 10/10/2024		Quan Doi		QDI	
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	8:05.87		
1) Trinh Truong, Vinh M18	2) r:0.43 Vu Thi, Phuong Anh W173	r:0.48 Nguyen Kha, Nhi W17	4) r:0.34 Luong Jeremie, Loic Ninc		
r:+0.72 27.43	56.81 (56.81)	1:26.25 (1:26.25)	1:55.41 (1:55.41)		
2:24.55 (29.14)	2:57.10 (1:01.69)	3:30.89 (1:35.48)	4:04.97 (2:09.56)		
4:34.02 (29.05)	5:06.63 (1:01.66)	5:39.90 (1:34.93)	6:12.32 (2:07.35)		
6:37.55 (25.23)	7:07.06 (54.74)	7:37.75 (1:25.43)	8:05.87 (1:53.55)		
2 Quan Doi	A	NT	8:09.63		
1) Nguyen Quang, Thuan M19	2) r:0.45 Phan Thi, Thuy An W15	3) r:0.45 Tran Hung, Nguyen M22	4) r:0.35 Nguyen Thuy, Hien W16		
r:+0.64 27.37	56.06 (56.06)	1:25.58 (1:25.58)	1:54.93 (1:54.93)		
2:24.55 (29.62)	2:57.87 (1:02.94)	3:33.11 (1:38.18)	4:08.01 (2:13.08)		
4:35.53 (27.52)	5:04.74 (56.73)	5:34.53 (1:26.52)	6:03.37 (1:55.36)		
6:32.05 (28.68)	7:04.35 (1:00.98)	7:36.74 (1:33.37)	8:09.63 (2:06.26)		
3 Da Nang	A	NT	8:14.36		
1) Nguyen Viet, Tuong M21	2) r:0.14 Nguyen Quoc, Khai Hoan3	r:0.61 Nguyen Doan, Minh Anh	4) Le Thi, Thuy Trang W17		
r:+0.67 26.68	54.85 (54.85)	1:23.36 (1:23.36)	1:52.28 (1:52.28)		
2:18.43 (26.15)	2:48.21 (55.93)	3:17.79 (1:25.51)	3:46.94 (1:54.66)		
4:17.73 (30.79)	4:51.15 (1:04.21)	5:25.88 (1:38.94)	6:03.62 (2:16.68)		
6:31.21 (27.59)	7:04.10 (1:00.48)	7:38.45 (1:34.83)	8:14.36 (2:10.74)		
4 Ha Noi	A	NT	9:42.10		
1) Nguyen Huu, Duc M18	2) r:0.43 Nguyen Ngoc, Giang W13	Dinh Thi, Ngoc Diep W18	4) Ha Huy, Tien M16		
r:+0.64 28.60	1:00.55 (1:00.55)	1:36.07 (1:36.07)	2:10.10 (2:10.10)		
2:42.89 (32.79)	3:20.69 (1:10.59)	4:02.35 (1:52.25)	5:56.38 (3:46.28)		
5:17.72 ()	7:16.05 (1:19.67)	6:36.59 (40.21)	8:20.88 (2:24.50)		
7:46.16 ()	9:42.06 (1:21.18)	9:02.75 (41.87)	9:42.10 (1:21.22)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 208 Men 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 22.68 # 13/12/2022		Loic Nino Luong Jeremie		HCM	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1	Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.58	25	TP Ho Chi Minh	23.41	23.35
2	Tran Van, Nguyen Quoc r:+0.63	17	Da Nang	23.90	23.47
3	Hoang Quy, Phuoc r:+0.62	32	Da Nang	24.31	23.63
4	Nguyen Hoang, Khang r:+0.63	22	Vinh Long	24.13	23.76
5	Trinh Truong, Vinh r:+0.69	18	TP Ho Chi Minh	24.77	23.96
6	Tran Hung, Nguyen r:+0.66	22	Quan Doi	24.82	23.98
7	Liêu Chi, Vy r:+0.71	17	An Giang	24.69	24.80
8	Nguyen Huu, Duc r:+0.66	18	Ha Noi	26.22	26.36

Event 208 Men 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 22.68 # 13/12/2022		Loic Nino Luong Jeremie		HCM	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.60	25	TP Ho Chi Minh	23.30	23.41	q
2 Tran Van, Nguyen Quoc r:+0.64	17	Da Nang	23.30	23.90	q
3 Nguyen Hoang, Khang r:+0.64	22	Vinh Long	23.50	24.13	q
4 Hoang Quy, Phuoc r:+0.65	32	Da Nang	22.80	24.31	q
5 Lieu Chi, Vy r:+0.69	17	An Giang	24.00	24.69	q
6 Trinh Truong, Vinh r:+0.73	18	TP Ho Chi Minh	24.17	24.77	q
7 Tran Hung, Nguyen r:+0.67	22	Quan Doi	23.00	24.82	q
8 Nguyen Huu, Duc r:+0.62	18	Ha Noi	25.00	26.22	q
9 Pham Nhat, Anh r:+0.54	14	Ha Noi	26.00	26.56	
10 Le Nhat, Quang r:+0.69	18	Hai Phong	25.00	26.65	
11 Phan Quoc, Khanh r:+0.60	13	Quang Tri	26.50	26.87	
--- Nguyen Phan, Nhat Quang r:+0.67	17	TP Ho Chi Minh	NT	X25.28	
--- Nguyen Quoc, Thuan r:+0.68	18	TP Ho Chi Minh	NT	X25.37	
--- Bui Minh, Khang r:+0.68	17	TP Ho Chi Minh	NT	X25.42	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 208 Men 50 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Nguyen Tri, Viet r:+0.59	14	Da Nang	NT	X25.64
--- Nguyen Vinh, Thai Bao r:+0.65	14	TP Ho Chi Minh	NT	X25.68
--- Ngo Ba, Gia Kiet r:+0.63	15	Hai Phong	25.00	X26.09
--- Pham Truong, Thinh r:+0.63	13	TP Ho Chi Minh	NT	X26.78
--- Ha Van, Toan r:+0.72	16	Ha Noi	NT	X26.82

Event 209 Women 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 25.84 # 9/2025		Hien Nguyen Thuy		QDI	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Nguyen Thuy, Hien r:+0.47	16	Quan Doi	27.29	25.90	
2 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.63	24	TP Ho Chi Minh	27.88	26.28	
3 Pham Thi, Van r:+0.65	20	Thanh Hoa	27.25	26.71	
4 Nguyen Kha, Nhi r:+0.68	17	TP Ho Chi Minh	27.72	27.09	
5 Vo Thi, Bao Ngoc r:+0.60	14	Quan Doi	27.81	27.55	
6 Nguyen Doan, Minh Anh r:+0.63	16	Da Nang	28.18	28.02	
7 Huynh Xuan Mai, Bella r:+0.70	17	Da Nang	28.05	28.05	
8 Nguyen Thi, Yen Nhi r:+0.76	16	Hai Phong	28.82	32.30	

Event 209 Women 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 25.84 # 9/2025		Hien Nguyen Thuy		QDI	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Pham Thi, Van r:+0.72	20	Thanh Hoa	25.90	27.25	q
2 Nguyen Thuy, Hien r:+0.58	16	Quan Doi	28.00	27.29	q
3 Nguyen Kha, Nhi r:+0.69	17	TP Ho Chi Minh	27.06	27.72	q
4 Vo Thi, Bao Ngoc r:+0.71	14	Quan Doi	27.00	27.81	q
5 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.66	24	TP Ho Chi Minh	26.75	27.88	q
6 Huynh Xuan Mai, Bella r:+0.76	17	Da Nang	27.00	28.05	q
7 Nguyen Doan, Minh Anh r:+0.63	16	Da Nang	28.00	28.18	q
8 Nguyen Thi, Yen Nhi r:+0.72	16	Hai Phong	30.00	28.82	q

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 209 Women 50 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
9 Nguyen Hoang, Linh r:+0.57	13	Phu Tho	28.06	29.25
10 Pham Thi, Phuong Anh r:+0.59	13	Ninh Binh	28.50	29.83
11 Nguyen Ngoc, Giang r:+0.76	16	Ha Noi	28.00	29.89
12 Nguyen Ngoc, Huyen Tran r:+0.84	14	Vinh Long	27.50	30.06
13 Dinh Thi, Ngoc Diep r:+0.73	18	Ha Noi	28.00	30.15
14 Bui Ngoc, Lan Anh r:+0.76	12	Vinh Long	29.50	30.61
--- Vu Thi, Phuong Anh r:+0.64	17	TP Ho Chi Minh	NT	X27.60
--- Nguyen Ngoc, Thuy Tien r:+0.71	17	TP Ho Chi Minh	NT	X27.61
--- Phan Thi, Thuy An r:+0.74	15	Quan Doi	NT	X29.28
--- Hoang Thi, Hai Yen r:+0.68	15	Da Nang	NT	X30.07
--- Le Huong, Giang r:+0.67	13	Ha Noi	NT	X31.58

Event 210 Men 100 LC Meter Breaststroke

KLQG: 1:00.97 # 5/2023				Pham Thanh Bao		Ben Tre	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points		
A - Final							
1 Pham Thanh, Bao r:+0.64 29.63	24	Vinh Long	1:06.13	1:02.00			
2 Ta Minh, Hieu r:+0.60 29.42	20	Hai Phong	1:06.75	1:03.53			
3 Bui Sy, Nhat r:+0.64 29.92	18	TP Ho Chi Minh	1:07.61	1:03.61			
4 Le Thanh, Duoc r:+0.61 29.97	21	Quan Doi	1:06.33	1:04.24			
5 Nguyen Huu, Kim Son r:+0.65 30.26	23	Da Nang	1:07.13	1:04.47			
6 Tran Anh, Tu r:+0.68 31.20	17	TP Ho Chi Minh	1:07.84	1:06.68			
7 Le Trong, Phuc r:+0.63 31.19	20	An Giang	1:07.66	1:07.16			
8 Vo Van, Tien r:+0.67 31.67	15	Dong Thap	1:07.36	1:07.40			

Event 210 Men 100 LC Meter Breaststroke

KLQG: 1:00.97 # 5/2023				Pham Thanh Bao		Ben Tre	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time			
Preliminaries							
1 Pham Thanh, Bao r:+0.63 31.32	24	Vinh Long	1:01.00	1:06.13	q		
2 Le Thanh, Duoc r:+0.61 31.03	21	Quan Doi	1:02.00	1:06.33	q		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 210 Men 100 LC Meter Breaststroke)

Name		Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
3	Ta Minh, Hieu	20	Hai Phong	1:03.00	1:06.75	q
	r:+0.59 31.47		1:06.75 (35.28)			
4	Nguyen Huu, Kim Son	23	Da Nang	1:03.50	1:07.13	q
	r:+0.64 31.52		1:07.13 (35.61)			
5	Vo Van, Tien	15	Dong Thap	1:06.00	1:07.36	q
	r:+0.67 32.24		1:07.36 (35.12)			
6	Bui Sy, Nhat	18	TP Ho Chi Minh	1:04.51	1:07.61	q
	r:+0.64 31.97		1:07.61 (35.64)			
7	Le Trong, Phuc	20	An Giang	1:05.00	1:07.66	q
	r:+0.64 31.69		1:07.66 (35.97)			
8	Tran Anh, Tu	17	TP Ho Chi Minh	1:08.77	1:07.84	q
	r:+0.66 31.97		1:07.84 (35.87)			
9	Le Xuan, An	15	Ha Noi	1:08.00	1:08.20	
	r:+0.58 32.49		1:08.20 (35.71)			
10	Ta Viet, Anh	17	Quan Doi	1:08.00	1:08.35	
	r:+0.60 32.52		1:08.35 (35.83)			
11	Nguyen Van, Thang	25	Ha Noi	1:10.00	1:12.36	
	r:+0.70 34.45		1:12.36 (37.91)			
12	Nguyen Ngoc, Long	21	Cong An Nhan Dan	1:12.00	1:19.92	
	r:+0.64 33.44		1:19.92 (46.48)			
---	Banh Tien, Hung	14	TP Ho Chi Minh	NT	X1:07.85	
	r:+0.71 32.38		1:07.85 (35.47)			
---	Mai Duc, Hieu	15	Quan Doi	NT	X1:11.55	
	r:+0.66 33.64		1:11.55 (37.91)			
---	Ha Huy, Tien	16	Ha Noi	NT	X1:14.43	
	r:+0.73 34.76		1:14.43 (39.67)			
---	Tran Phi, Long	12	Quan Doi	NT	X1:21.48	
	r:+0.79 37.70		1:21.48 (43.78)			

Event 211 Women 100 LC Meter Breaststroke

Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
KLQG: 1:10.64 # 12/2010 Pham Thi hue Quang Binh						
1	Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	1:10.00	1:11.10	
	r:+0.58 34.08		1:11.10 (37.02)			
2	Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	1:10.24	1:11.32	
	r:+0.66 34.51		1:11.32 (36.81)			
3	Vu Thi, Phuong Anh	24	TP Ho Chi Minh	1:14.65	1:13.02	
	r:+0.72 34.55		1:13.02 (38.47)			
4	Nguyen Thi, Yen Nhi	16	Hai Phong	1:15.01	1:13.96	
	r:+0.68 35.32		1:13.96 (38.64)			
5	Pham Chau, Hoang Ha	13	Quang Tri	1:15.00	1:15.44	
	r:+0.60 35.63		1:15.44 (39.81)			
6	Bui Quynh, Anh	16	Ha Noi	1:15.00	1:19.01	
	r:+0.73 36.02		1:19.01 (42.99)			
7	Luong Thi, Minh Nguyệt	14	Thanh Hóa	1:22.00	1:22.29	
	r:+0.79 38.31		1:22.29 (43.98)			
8	Le Diem, Quynh	19	Ha Noi	1:19.00	1:24.98	
	r:+0.70 39.67		1:24.98 (45.31)			

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025**Results****Event 212 Men 1500 LC Meter Freestyle**

KLQG: 14:58.14 # 12/2019		Nguyen Huy Hoang		Quang Binh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	15:10.00	15:35.34	
r:+0.69 28.69	59.25 (30.56)	1:29.92 (30.67)	2:00.97 (31.05)		
2:31.85 (30.88)	3:03.08 (31.23)	3:33.83 (30.75)	4:05.00 (31.17)		
4:35.94 (30.94)	5:07.06 (31.12)	5:37.93 (30.87)	6:09.29 (31.36)		
6:40.29 (31.00)	7:11.60 (31.31)	7:42.60 (31.00)	8:14.14 (31.54)		
8:45.46 (31.32)	9:16.87 (31.41)	9:47.92 (31.05)	10:19.22 (31.30)		
10:50.32 (31.10)	11:21.63 (31.31)	11:52.66 (31.03)	12:23.94 (31.28)		
12:55.17 (31.23)	13:26.80 (31.63)	13:58.08 (31.28)	14:29.78 (31.70)		
15:00.95 (31.17)	15:35.34 (34.39)				
2 Mai Tran, Tuan Anh	19	Quan Doi	15:25.00	15:41.82	
r:+0.66 29.48	1:01.12 (31.64)	1:32.69 (31.57)	2:04.48 (31.79)		
2:36.08 (31.60)	3:07.94 (31.86)	3:39.50 (31.56)	4:11.25 (31.75)		
4:42.75 (31.50)	5:14.31 (31.56)	5:45.71 (31.40)	6:17.39 (31.68)		
6:48.61 (31.22)	7:20.08 (31.47)	7:51.21 (31.13)	8:22.32 (31.11)		
8:53.29 (30.97)	9:24.66 (31.37)	9:55.91 (31.25)	10:27.28 (31.37)		
10:58.70 (31.42)	11:30.37 (31.67)	12:02.01 (31.64)	12:34.24 (32.23)		
13:06.37 (32.13)	13:38.95 (32.58)	14:10.48 (31.53)	14:41.83 (31.35)		
15:12.11 (30.28)	15:41.82 (29.71)				
3 Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	15:15.00	15:43.62	
r:+0.62 30.01	1:01.79 (31.78)	1:33.64 (31.85)	2:05.71 (32.07)		
2:37.50 (31.79)	3:09.36 (31.86)	3:40.90 (31.54)	4:12.23 (31.33)		
4:43.51 (31.28)	5:14.96 (31.45)	5:46.04 (31.08)	6:17.59 (31.55)		
6:48.91 (31.32)	7:20.42 (31.51)	7:51.73 (31.31)	8:23.14 (31.41)		
8:54.49 (31.35)	9:25.68 (31.19)	9:56.93 (31.25)	10:28.01 (31.08)		
10:59.05 (31.04)	11:29.97 (30.92)	12:00.60 (30.63)	12:31.29 (30.69)		
13:02.63 (31.34)	13:34.20 (31.57)	14:06.77 (32.57)	14:39.23 (32.46)		
15:12.08 (32.85)	15:43.62 (31.54)				
4 Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	15:30.00	16:02.80	
r:+0.69 29.64	1:00.77 (31.13)	1:31.41 (30.64)	2:02.66 (31.25)		
2:33.59 (30.93)	3:05.03 (31.44)	3:36.00 (30.97)	4:07.49 (31.49)		
4:38.70 (31.21)	5:10.17 (31.47)	5:41.59 (31.42)	6:13.30 (31.71)		
6:45.12 (31.82)	7:16.99 (31.87)	7:49.49 (32.50)	8:22.05 (32.56)		
8:54.70 (32.65)	9:26.57 (31.87)	9:58.61 (32.04)	10:31.10 (32.49)		
11:03.78 (32.68)	11:36.82 (33.04)	12:09.89 (33.07)	12:43.04 (33.15)		
13:16.31 (33.27)	13:49.69 (33.38)	14:23.41 (33.72)	14:56.58 (33.17)		
15:29.73 (33.15)	16:02.80 (33.07)				
5 Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	15:35.00	16:09.33	
r:+0.67 29.34	1:01.16 (31.82)	1:32.83 (31.67)	2:04.62 (31.79)		
2:36.29 (31.67)	3:08.20 (31.91)	3:39.71 (31.51)	4:11.55 (31.84)		
4:42.95 (31.40)	5:14.64 (31.69)	5:45.97 (31.33)	6:17.75 (31.78)		
6:49.07 (31.32)	7:20.45 (31.38)	7:51.76 (31.31)	8:23.51 (31.75)		
8:56.34 (32.83)	9:29.15 (32.81)	10:01.73 (32.58)	10:35.21 (33.48)		
11:08.77 (33.56)	11:42.28 (33.51)	12:16.37 (34.09)	12:50.27 (33.90)		
13:24.15 (33.88)	13:57.05 (32.90)	14:30.26 (33.21)	15:03.86 (33.60)		
15:36.74 (32.88)	16:09.33 (32.59)				

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025**Results****(Event 212 Men 1500 LC Meter Freestyle)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
6	Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	16:50.40	16:39.82	
	r:+0.69 30.00	1:02.47 (32.47)	1:35.49 (33.02)	2:08.91 (33.42)		
	2:42.37 (33.46)	3:15.82 (33.45)	3:49.11 (33.29)	4:22.60 (33.49)		
	4:56.09 (33.49)	5:29.52 (33.43)	6:02.76 (33.24)	6:36.52 (33.76)		
	7:09.57 (33.05)	7:43.37 (33.80)	8:16.55 (33.18)	8:50.05 (33.50)		
	9:23.38 (33.33)	9:56.87 (33.49)	10:30.88 (34.01)	11:04.48 (33.60)		
	11:38.14 (33.66)	12:12.39 (34.25)	12:45.55 (33.16)	13:19.32 (33.77)		
	13:52.49 (33.17)	14:25.71 (33.22)	14:59.55 (33.84)	15:33.62 (34.07)		
	16:06.97 (33.35)	16:39.82 (32.85)				
7	Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	16:45.00	17:12.22	
	r:+0.63 30.08	1:03.13 (33.05)	1:36.68 (33.55)	2:10.34 (33.66)		
	2:44.03 (33.69)	3:17.86 (33.83)	3:51.59 (33.73)	4:25.29 (33.70)		
	4:59.62 (34.33)	5:33.69 (34.07)	6:08.11 (34.42)	6:42.49 (34.38)		
	7:16.73 (34.24)	7:51.38 (34.65)	8:26.17 (34.79)	9:01.09 (34.92)		
	9:36.06 (34.97)	10:10.85 (34.79)	10:46.03 (35.18)	11:21.57 (35.54)		
	11:56.57 (35.00)	12:31.93 (35.36)	13:07.25 (35.32)	13:42.49 (35.24)		
	14:17.90 (35.41)	14:53.48 (35.58)	15:28.92 (35.44)	16:04.14 (35.22)		
	16:38.28 (34.14)	17:12.22 (33.94)				
8	Pham Quoc, Cuong	12	Vinh Long	17:30.00	18:14.44	
	r:+0.53 32.51	1:08.01 (35.50)	1:44.39 (36.38)	2:20.45 (36.06)		
	2:56.93 (36.48)	3:33.38 (36.45)	4:10.02 (36.64)	4:46.66 (36.64)		
	5:23.74 (37.08)	6:00.10 (36.36)	6:37.02 (36.92)	7:13.87 (36.85)		
	7:50.83 (36.96)	8:28.15 (37.32)	9:05.33 (37.18)	9:42.10 (36.77)		
	10:19.23 (37.13)	10:56.31 (37.08)	11:33.15 (36.84)	12:10.22 (37.07)		
	12:47.24 (37.02)	13:24.07 (36.83)	14:00.88 (36.81)	14:37.78 (36.90)		
	15:14.26 (36.48)	15:50.80 (36.54)	16:27.20 (36.40)	17:03.87 (36.67)		
	17:39.64 (35.77)	18:14.44 (34.80)				
---	Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X16:43.99	
	r:+0.72 30.20	1:02.61 (32.41)	1:36.15 (33.54)	2:09.32 (33.17)		
	2:42.31 (32.99)	3:15.29 (32.98)	3:48.57 (33.28)	4:21.83 (33.26)		
	4:54.92 (33.09)	5:28.45 (33.53)	6:01.89 (33.44)	6:35.47 (33.58)		
	7:09.15 (33.68)	7:43.01 (33.86)	8:16.35 (33.34)	8:50.26 (33.91)		
	9:23.88 (33.62)	9:57.88 (34.00)	10:31.84 (33.96)	11:05.81 (33.97)		
	11:39.72 (33.91)	12:13.82 (34.10)	12:47.59 (33.77)	13:21.82 (34.23)		
	13:55.70 (33.88)	14:29.89 (34.19)	15:03.67 (33.78)	15:37.91 (34.24)		
	16:11.43 (33.52)	16:43.99 (32.56)				
---	Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	NT	X16:53.88	
	r:+0.65 30.21	1:02.73 (32.52)	1:36.13 (33.40)	2:09.28 (33.15)		
	2:42.64 (33.36)	3:15.93 (33.29)	3:49.51 (33.58)	4:23.24 (33.73)		
	4:56.79 (33.55)	5:30.84 (34.05)	6:04.79 (33.95)	6:38.86 (34.07)		
	7:12.85 (33.99)	7:47.16 (34.31)	8:21.16 (34.00)	8:55.35 (34.19)		
	9:29.29 (33.94)	10:03.54 (34.25)	10:37.78 (34.24)	11:11.92 (34.14)		
	11:46.19 (34.27)	12:20.39 (34.20)	12:54.98 (34.59)	13:29.28 (34.30)		
	14:03.85 (34.57)	14:38.33 (34.48)	15:12.77 (34.44)	15:47.11 (34.34)		
	16:20.93 (33.82)	16:53.88 (32.95)				
---	Le Dinh, Binh An	13	Quan Doi	NT	X17:22.33	
	r:+0.58 30.23	1:03.40 (33.17)	1:37.62 (34.22)	2:11.44 (33.82)		
	2:45.77 (34.33)	3:20.40 (34.63)	3:55.25 (34.85)	4:29.99 (34.74)		
	5:04.59 (34.60)	5:39.67 (35.08)	6:14.42 (34.75)	6:49.15 (34.73)		
	7:23.77 (34.62)	7:58.79 (35.02)	8:33.69 (34.90)	9:08.80 (35.11)		
	9:44.18 (35.38)	10:19.39 (35.21)	10:54.52 (35.13)	11:29.38 (34.86)		
	12:04.40 (35.02)	12:39.62 (35.22)	13:15.36 (35.74)	13:50.89 (35.53)		
	14:26.23 (35.34)	15:02.03 (35.80)	15:37.73 (35.70)	16:13.13 (35.40)		
	16:47.47 (34.34)	17:22.33 (34.86)				

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 213 Women 400 LC Meter Freestyle

KLQG: 4:07.96 # 6/2016		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	4:36.41	4:18.57	
r:+0.66 30.09	1:02.53 (32.44)	1:34.87 (32.34)	2:07.72 (32.85)		
2:40.05 (32.33)	3:12.92 (32.87)	3:45.94 (33.02)	4:18.57 (32.63)		
2 Nguyen Ngoc, Tuyet Han	16	Dong Thap	4:45.75	4:26.17	
r:+0.65 31.24	1:04.08 (32.84)	1:37.71 (33.63)	2:11.41 (33.70)		
2:45.54 (34.13)	3:19.47 (33.93)	3:53.67 (34.20)	4:26.17 (32.50)		
3 Le Huynh, Tu Uyen	15	Quan Doi	4:42.41	4:30.68	
r:+0.68 30.57	1:04.04 (33.47)	1:38.44 (34.40)	2:12.67 (34.23)		
2:47.33 (34.66)	3:21.94 (34.61)	3:57.13 (35.19)	4:30.68 (33.55)		
4 Vu Thi, Phuong Anh	17	TP Ho Chi Minh	4:46.93	4:38.08	
r:+0.69 30.76	1:04.51 (33.75)	1:39.13 (34.62)	2:14.12 (34.99)		
2:49.55 (35.43)	3:25.75 (36.20)	4:02.37 (36.62)	4:38.08 (35.71)		
5 Pham Thu, Trang	14	Quang Ninh	4:41.92	4:39.34	
r:+0.81 31.82	1:06.29 (34.47)	1:42.24 (35.95)	2:17.50 (35.26)		
2:52.91 (35.41)	3:28.31 (35.40)	4:04.34 (36.03)	4:39.34 (35.00)		
6 Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	4:39.78	4:44.80	
r:+0.52 31.03	1:05.79 (34.76)	1:41.27 (35.48)	2:17.28 (36.01)		
2:54.25 (36.97)	3:31.21 (36.96)	4:08.35 (37.14)	4:44.80 (36.45)		
7 Phan Thi, Thuy An	15	Quan Doi	4:50.82	4:45.77	
r:+0.69 31.54	1:06.02 (34.48)	1:42.10 (36.08)	2:18.81 (36.71)		
2:55.92 (37.11)	3:32.89 (36.97)	4:09.78 (36.89)	4:45.77 (35.99)		
8 Tran Ngoc, Bang Tam	16	Da Nang	4:53.15	4:51.95	
r:+0.68 32.49	1:08.21 (35.72)	1:45.05 (36.84)	2:22.16 (37.11)		
2:59.60 (37.44)	3:37.71 (38.11)	4:15.48 (37.77)	4:51.95 (36.47)		

Event 213 Women 400 LC Meter Freestyle

KLQG: 4:07.96 # 6/2016		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	4:18.40	4:36.41	q
r:+0.67 31.90	1:06.49 (34.59)	1:41.70 (35.21)	2:17.15 (35.45)		
2:52.26 (35.11)	3:27.39 (35.13)	4:02.41 (35.02)	4:36.41 (34.00)		
2 Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	4:25.06	4:39.52	q
r:+0.71 31.91	1:07.29 (35.38)	1:42.98 (35.69)	2:18.61 (35.63)		
2:54.66 (36.05)	3:30.04 (35.38)	4:05.15 (35.11)	4:39.52 (34.37)		
3 Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	4:30.00	4:39.78	q
r:+0.56 31.95	1:07.87 (35.92)	1:43.41 (35.54)	2:19.05 (35.64)		
2:54.29 (35.24)	3:29.82 (35.53)	4:05.23 (35.41)	4:39.78 (34.55)		
4 Pham Thu, Trang	14	Quang Ninh	4:40.73	4:41.92	q
r:+0.77 32.55	1:07.56 (35.01)	1:43.51 (35.95)	2:19.42 (35.91)		
2:55.29 (35.87)	3:30.98 (35.69)	4:07.14 (36.16)	4:41.92 (34.78)		
5 Le Huynh, Tu Uyen	15	Quan Doi	4:26.00	4:42.41	q
r:+0.70 31.77	1:06.90 (35.13)	1:42.33 (35.43)	2:18.34 (36.01)		
2:54.42 (36.08)	3:30.83 (36.41)	4:06.75 (35.92)	4:42.41 (35.66)		
6 Nguyen Ngoc, Tuyet Han	16	Dong Thap	4:20.00	4:45.75	q
r:+0.64 32.75	1:08.03 (35.28)	1:43.96 (35.93)	2:19.73 (35.77)		
2:56.14 (36.41)	3:32.34 (36.20)	4:09.12 (36.78)	4:45.75 (36.63)		
7 Vu Thi, Phuong Anh	17	TP Ho Chi Minh	4:35.37	4:46.93	q
r:+0.68 33.53	1:09.45 (35.92)	1:46.02 (36.57)	2:22.39 (36.37)		
2:58.80 (36.41)	3:35.23 (36.43)	4:11.20 (35.97)	4:46.93 (35.73)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 213 Women 400 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
8 Phan Thi, Thuy An	15	Quan Doi	4:22.00	4:50.82	q
r:+0.70 33.76	1:10.26 (36.50)	1:47.22 (36.96)	2:24.39 (37.17)		
3:01.09 (36.70)	3:37.74 (36.65)	4:14.83 (37.09)	4:50.82 (35.99)		
9 Tran Ngoc, Bang Tam	16	Da Nang	4:50.00	4:53.15	
r:+0.60 33.28	1:09.95 (36.67)	1:47.54 (37.59)	2:25.00 (37.46)		
3:02.51 (37.51)	3:39.72 (37.21)	4:17.00 (37.28)	4:53.15 (36.15)		
10 Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	5:00.00	5:03.39	
r:+0.50 34.15	1:11.68 (37.53)	1:50.69 (39.01)	2:30.00 (39.31)		
3:08.73 (38.73)	3:47.76 (39.03)	4:26.35 (38.59)	5:03.39 (37.04)		

Event 214 Mixed 4x100 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 3:36.39 # 11/10/2024		TP Ho Chi Minh		HCM	
		H Bui Gia, N Nguyen Kha, J Luong, P Nguyen Diep			
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:36.59		
1) Trinh Truong, Vinh M18	2) r:0.63 Nguyen Kha, Nhi W17	3) r:0.23 Luong Jeremie, Loic Ninc4	4) r:0.39 Nguyen Diep, Phuong Tra		
r:+0.71 25.06	51.55 (51.55)	1:19.38 (27.83)	1:49.58 (58.03)		
2:13.25 (23.67)	2:39.63 (50.05)	3:06.97 (27.34)	3:36.59 (56.96)		
2 Quan Doi	A	NT	3:42.27		
1) Tran Hung, Nguyen M22	2) r:0.46 Vo Thi, Bao Ngoc W14	3) r:0.31 Nguyen Quang, Thuan M4	4) r:0.45 Nguyen Thuy, Hien W16		
r:+0.64 25.24	51.27 (51.27)	1:19.76 (28.49)	1:50.30 (59.03)		
2:15.98 (25.68)	2:43.44 (53.14)	3:11.73 (28.29)	3:42.27 (58.83)		
3 Da Nang	A	NT	3:43.73		
1) Nguyen Viet, Tuong M21	2) r:0.42 Hoang Quy, Phuoc M32	3) r:0.48 Huynh Xuan Mai, Bella V4	4) r:0.47 Le Thi, Thuy Trang W17		
r:+0.61 24.76	50.95 (50.95)	1:16.11 (25.16)	1:43.41 (52.46)		
2:12.38 (28.97)	2:44.22 (1:00.81)	3:12.49 (28.27)	3:43.73 (59.51)		
4 Ha Noi	A	NT	4:19.09		
1) Nguyen Huu, Duc M18	2) r:0.34 Nguyen Ngoc, Giang W13	3) r:0.46 Dinh Thi, Ngoc Diep W14	4) r:0.65 Ha Van, Toan M16		
r:+0.65 28.52	1:00.47 (1:00.47)	1:31.05 (30.58)	2:06.85 (1:06.38)		
2:38.37 (31.52)	3:14.46 (1:07.61)	3:45.32 (30.86)	4:19.09 (1:04.63)		

Event 315 Men 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 54.98 # 12/2019		Le Nguyen Paul		An Giang	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Tran Duy, Khoi	28	TP Ho Chi Minh	1:02.39	56.57	
r:+0.56 27.05	56.57 (29.52)				
2 Tran Hung, Nguyen	22	Quan Doi	1:06.78	57.14	
r:+0.57 28.11	57.14 (29.03)				
3 Trinh Truong, Vinh	18	TP Ho Chi Minh	1:06.73	57.39	
r:+0.54 27.89	57.39 (29.50)				
4 Cao Van, Dung	22	Ha Noi	1:05.86	58.20	
r:+0.62 28.30	58.20 (29.90)				
5 Mai Tran, Tuan Anh	19	Quan Doi	1:03.79	59.36	
r:+0.54 28.70	59.36 (30.66)				
6 Nguyen Ngoc, Trien	28	Da Nang	1:04.03	59.63	
r:+0.60 28.46	59.63 (31.17)				
7 Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	1:00.37	1:02.92	
r:+0.55 30.31	1:02.92 (32.61)				
8 Ha Huy, Tien	16	Ha Noi	1:06.69	1:08.07	
r:+0.54 32.87	1:08.07 (35.20)				

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025**Results****Event 315 Men 100 LC Meter Backstroke**

KLQG: 54.98 # 12/2019		Le Nguyen Paul		An Giang	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	1:01.00	1:00.37	q
r:+0.61 29.39	1:00.37 (30.98)				
2 Tran Duy, Khoi	28	TP Ho Chi Minh	57.88	1:02.39	q
r:+0.57 30.32	1:02.39 (32.07)				
3 Mai Tran, Tuan Anh	19	Quan Doi	58.00	1:03.79	q
r:+0.56 30.20	1:03.79 (33.59)				
4 Nguyen Ngoc, Trien	28	Da Nang	58.80	1:04.03	q
r:+0.60 29.84	1:04.03 (34.19)				
5 Cao Van, Dung	22	Ha Noi	57.00	1:05.86	q
r:+0.58 32.07	1:05.86 (33.79)				
6 Ha Huy, Tien	16	Ha Noi	1:04.00	1:06.69	q
r:+0.61 31.83	1:06.69 (34.86)				
7 Trinh Truong, Vinh	18	TP Ho Chi Minh	58.77	1:06.73	q
r:+0.67 32.61	1:06.73 (34.12)				
8 Tran Hung, Nguyen	22	Quan Doi	56.00	1:06.78	q
r:+0.63 33.10	1:06.78 (33.68)				
9 Pham Quoc, Cuong	12	Vinh Long	1:06.00	1:08.01	
r:+0.56 33.15	1:08.01 (34.86)				
--- Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X1:01.11	
r:+0.65 30.09	1:01.11 (31.02)				
--- Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	NT	X1:02.09	
r:+0.59 30.53	1:02.09 (31.56)				
--- Pham Truong, Thinh	13	TP Ho Chi Minh	NT	X1:03.94	
r:+0.51 30.86	1:03.94 (33.08)				

Event 316 Women 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 1:01.89 # 8/2017		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	1:09.37	1:03.84	
r:+0.62 30.91	1:03.84 (32.93)				
2 Nguyen Ngoc, Thuy Tien	17	TP Ho Chi Minh	1:08.37	1:05.20	
r:+0.67 30.95	1:05.20 (34.25)				
3 Tran Anh, Thu	16	Quan Doi	1:09.31	1:05.82	
r:+0.61 32.49	1:05.82 (33.33)				
4 Hoang Thi, Trang	24	Thanh Hoa	1:07.47	1:06.47	
r:+0.68 31.76	1:06.47 (34.71)				
5 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	1:10.49	1:06.53	
r:+0.56 32.58	1:06.53 (33.95)				
6 Luong Thi, Minh Nguyệt	14	Thanh Hoa	1:12.16	1:07.58	
r:+0.66 32.94	1:07.58 (34.64)				
7 Nguyen Ngoc, Huyen Tran	14	Vinh Long	1:09.63	1:08.35	
r:+0.59 32.86	1:08.35 (35.49)				
8 Tran Ngoc, Bang Tam	16	Da Nang	1:14.71	1:15.32	
r:+0.82 36.53	1:15.32 (38.79)				

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 316 Women 100 LC Meter Backstroke

KLQG:		1:01.89	#	8/2017	Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name				Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries								
1	Hoang Thi, Trang			24	Thanh Hoa	1:05.00	1:07.47	q
	r:+0.74	32.84		1:07.47	(34.63)			
2	Nguyen Ngoc, Thuy Tien			17	TP Ho Chi Minh	1:04.00	1:08.37	q
	r:+0.68	33.01		1:08.37	(35.36)			
3	Tran Anh, Thu			16	Quan Doi	1:06.00	1:09.31	q
	r:+0.61	33.53		1:09.31	(35.78)			
4	Nguyen Diep, Phuong Tram			24	TP Ho Chi Minh	1:04.95	1:09.37	q
	r:+0.64	33.51		1:09.37	(35.86)			
5	Nguyen Ngoc, Huyen Tran			14	Vinh Long	1:05.00	1:09.63	q
	r:+0.61	33.78		1:09.63	(35.85)			
6	Le Thi, Kim Ngan			24	An Giang	1:05.00	1:10.49	q
	r:+0.61	34.65		1:10.49	(35.84)			
7	Luong Thi, Minh Nguyệt			14	Thanh Hoa	1:07.00	1:12.16	q
	r:+0.63	35.01		1:12.16	(37.15)			
8	Tran Ngoc, Bang Tam			16	Da Nang	1:11.00	1:14.71	q
	r:+0.79	36.07		1:14.71	(38.64)			
9	Nguyen Doan, Minh Anh			16	Da Nang	1:12.00	1:15.61	
	r:+0.66	36.21		1:15.61	(39.40)			
10	Nguyen Ngoc, Giang			16	Ha Noi	1:12.00	1:15.69	
	r:+0.63	35.75		1:15.69	(39.94)			
11	Le Dang, Ngoc Tram			13	Vinh Long	1:11.00	1:16.21	
	r:+0.61	36.53		1:16.21	(39.68)			
12	Dinh Thi, Ngoc Diep			18	Ha Noi	1:12.00	1:18.14	
	r:+0.57	37.14		1:18.14	(41.00)			
---	Nguyen Thi, Anh Ngoc			15	Ha Noi	NT	X1:15.80	
	r:+0.62	36.93		1:15.80	(38.87)			
---	Le Huong, Giang			13	Ha Noi	NT	X1:30.45	
	r:+0.70	43.66		1:30.45	(46.79)			

Event 317 Men 100 LC Meter Butterfly

KLQG:		53.07	#	11/2011	Hoang Quy Phuoc		Da Nang	
Name				Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final								
1	Nguyen Viet, Tuong			21	Da Nang	1:00.37	55.12	
	r:+0.65	25.92		55.12	(29.20)			
2	Hoang Quy, Phuoc			32	Da Nang	1:00.67	55.26	
	r:+0.65	25.80		55.26	(29.46)			
3	Nguyen Quang, Thuan			19	Quan Doi	59.32	55.98	
	r:+0.64	26.53		55.98	(29.45)			
4	Nguyen Phan, Nhat Quang			17	TP Ho Chi Minh	57.21	56.47	
	r:+0.59	26.82		56.47	(29.65)			
5	Liêu Chi, Vy			17	An Giang	59.41	57.16	
	r:+0.71	26.39		57.16	(30.77)			
6	Nguyen Tri, Phong			17	Can Tho	1:00.04	58.88	
	r:+0.67	27.50		58.88	(31.38)			
7	Nguyen Van, Hai			22	Ha Noi	1:00.37	59.91	
	r:+0.77	27.84		59.91	(32.07)			
8	Tran Hung, Nguyen			22	Quan Doi	1:00.22	1:05.24	
	r:+0.70	30.99		1:05.24	(34.25)			

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025**Results****Event 317 Men 100 LC Meter Butterfly**

KLQG: 53.07 # 11/2011		Hoang Quy Phuoc		Da Nang	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Phan, Nhat Quang	17	TP Ho Chi Minh	57.25	57.21	q
r:+0.66 26.67	57.21 (30.54)				
2 Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	54.00	59.32	q
r:+0.67 27.98	59.32 (31.34)				
3 Lieu Chi, Vy	17	An Giang	58.50	59.41	q
r:+0.75 28.38	59.41 (31.03)				
4 Nguyen Tri, Phong	17	Can Tho	57.00	1:00.04	q
r:+0.67 28.64	1:00.04 (31.40)				
5 Tran Hung, Nguyen	22	Quan Doi	54.50	1:00.22	q
r:+0.68 28.27	1:00.22 (31.95)				
*6 Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	54.30	1:00.37	q
r:+0.68 28.04	1:00.37 (32.33)				
*6 Nguyen Van, Hai	22	Ha Noi	57.00	1:00.37	q
r:+0.75 28.26	1:00.37 (32.11)				
8 Hoang Quy, Phuoc	32	Da Nang	54.00	1:00.67	q
r:+0.72 28.44	1:00.67 (32.23)				
9 Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	56.00	1:07.34	
r:+0.69 31.50	1:07.34 (35.84)				
--- Nguyen Quoc, Khai Hoan	22	Da Nang	NT	X56.88	
r:+0.58 26.61	56.88 (30.27)				
--- Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X1:00.03	
r:+0.71 28.66	1:00.03 (31.37)				
--- Nguyen Thanh, Dat	15	Quan Doi	NT	X1:00.25	
r:+0.62 28.42	1:00.25 (31.83)				
--- Ha Van, Toan	16	Ha Noi	58.00	X1:01.52	
r:+0.77 27.92	1:01.52 (33.60)				
--- Pham Truong, Thinh	13	TP Ho Chi Minh	NT	X1:06.78	
r:+0.63 31.29	1:06.78 (35.49)				
--- Nguyen Huu, Duc	18	Ha Noi	NT	X1:07.18	
r:+0.68 30.64	1:07.18 (36.54)				

Event 318 Women 100 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:00.69 # 6/2014		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	1:06.11	1:00.64#	
r:+0.67 28.64	1:00.64 (32.00)				
2 Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	1:07.96	1:02.44	
r:+0.58 28.80	1:02.44 (33.64)				
3 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	1:07.89	1:03.00	
r:+0.65 29.55	1:03.00 (33.45)				
4 Pham Thi, Van	20	Thanh Hoa	1:09.57	1:03.82	
r:+0.67 29.60	1:03.82 (34.22)				
5 Le Thi, Thuy Trang	17	Da Nang	1:10.62	1:04.06	
r:+0.65 29.96	1:04.06 (34.10)				
6 Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	1:08.93	1:04.75	
r:+0.73 29.53	1:04.75 (35.22)				
7 Nguyen Doan, Minh Anh	16	Da Nang	1:07.18	1:06.14	
r:+0.65 30.58	1:06.14 (35.56)				

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

A - Final ... (Event 318 Women 100 LC Meter Butterfly)

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
8 Pham Thu, Trang	14	Quang Ninh	1:09.51	1:08.29	
r:+0.76 31.67	1:08.29 (36.62)				

Event 318 Women 100 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:00.69 # 6/2014		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	1:00.17	1:06.11	q
r:+0.70 31.90	1:06.11 (34.21)				
2 Nguyen Doan, Minh Anh	16	Da Nang	1:04.00	1:07.18	q
r:+0.60 31.33	1:07.18 (35.85)				
3 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	1:04.69	1:07.89	q
r:+0.66 30.97	1:07.89 (36.92)				
4 Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	1:02.00	1:07.96	q
r:+0.59 31.20	1:07.96 (36.76)				
5 Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	1:03.00	1:08.93	q
r:+0.80 32.34	1:08.93 (36.59)				
6 Pham Thu, Trang	14	Quang Ninh	1:05.28	1:09.51	q
r:+0.78 32.63	1:09.51 (36.88)				
7 Pham Thi, Van	20	Thanh Hoa	1:01.00	1:09.57	q
r:+0.70 30.63	1:09.57 (38.94)				
8 Le Thi, Thuy Trang	17	Da Nang	1:03.00	1:10.62	q
r:+0.68 32.35	1:10.62 (38.27)				
9 Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	1:06.00	1:10.82	
r:+0.53 32.49	1:10.82 (38.33)				
10 Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	1:03.15	1:12.08	
r:+0.73 32.86	1:12.08 (39.22)				
11 Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	1:08.00	1:12.09	
34.01	1:12.09 (38.08)				
12 Nguyen Ngoc, Giang	16	Ha Noi	1:08.00	1:14.42	
r:+0.77 33.73	1:14.42 (40.69)				
13 Nguyen Vuong, Gia Ky	13	Vinh Long	1:07.00	1:18.17	
r:+0.76 35.21	1:18.17 (42.96)				
--- Vu Thi, Phuong Anh	17	TP Ho Chi Minh	NT	X1:04.02	
r:+0.65 29.74	1:04.02 (34.28)				
--- Truong Thanh, Truc	14	Quan Doi	NT	X1:05.75	
r:+0.71 30.11	1:05.75 (35.64)				
--- Le Huong, Giang	13	Ha Noi	NT	X1:23.32	
r:+0.67 37.41	1:23.32 (45.91)				

Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle

KLQG: 3:48.06 # 5/2022		Nguyen Huy Hoang		Quang Binh	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	4:04.44	3:52.21	
r:+0.67 27.18	56.51 (29.33)	1:25.84 (29.33)	1:55.37 (29.53)		
2:24.70 (29.33)	2:53.81 (29.11)	3:22.96 (29.15)	3:52.21 (29.25)		
2 Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	4:06.95	3:53.83	
r:+0.62 26.79	56.58 (29.79)	1:26.27 (29.69)	1:55.98 (29.71)		
2:25.94 (29.96)	2:55.78 (29.84)	3:25.79 (30.01)	3:53.83 (28.04)		
3 Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	4:08.80	3:56.13	
r:+0.66 27.24	56.61 (29.37)	1:26.21 (29.60)	1:55.93 (29.72)		
2:25.73 (29.80)	2:55.87 (30.14)	3:26.31 (30.44)	3:56.13 (29.82)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

A - Final ... (Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle)

Name		Age	Team	Prelim Time		Finals Time	Points
4	Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	4:11.18		3:58.84	
	r:+0.66 28.00	57.82 (29.82)	1:28.04 (30.22)	1:58.32 (30.28)			
	2:28.53 (30.21)	2:58.83 (30.30)	3:28.99 (30.16)	3:58.84 (29.85)			
5	Le Do, Gia Khang	20	TP Ho Chi Minh	4:12.66		4:02.53	
	r:+0.63 27.77	57.54 (29.77)	1:27.89 (30.35)	1:58.51 (30.62)			
	2:29.23 (30.72)	3:00.18 (30.95)	3:31.32 (31.14)	4:02.53 (31.21)			
6	Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	4:11.18		4:08.32	
	r:+0.61 27.29	57.29 (30.00)	1:27.79 (30.50)	1:58.80 (31.01)			
	2:29.81 (31.01)	3:01.80 (31.99)	3:35.17 (33.37)	4:08.32 (33.15)			
7	Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	4:20.47		4:13.59	
	r:+0.67 28.74	59.63 (30.89)	1:31.80 (32.17)	2:03.92 (32.12)			
	2:36.55 (32.63)	3:09.14 (32.59)	3:41.83 (32.69)	4:13.59 (31.76)			
8	Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	4:20.87		4:18.85	
	r:+0.62 28.30	1:00.35 (32.05)	1:32.51 (32.16)	2:05.36 (32.85)			
	2:38.40 (33.04)	3:12.32 (33.92)	3:45.94 (33.62)	4:18.85 (32.91)			

Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle

Name		Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries						
1	Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	3:50.50	4:04.44	q
	r:+0.66 27.90	57.83 (29.93)	1:28.31 (30.48)	1:59.15 (30.84)		
	2:30.42 (31.27)	3:01.54 (31.12)	3:33.33 (31.79)	4:04.44 (31.11)		
2	Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	3:53.00	4:06.95	q
	r:+0.67 28.36	58.86 (30.50)	1:29.97 (31.11)	2:00.93 (30.96)		
	2:32.28 (31.35)	3:03.79 (31.51)	3:35.72 (31.93)	4:06.95 (31.23)		
3	Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	3:53.00	4:08.80	q
	r:+0.71 28.38	58.88 (30.50)	1:29.78 (30.90)	2:01.04 (31.26)		
	2:32.35 (31.31)	3:04.61 (32.26)	3:36.56 (31.95)	4:08.80 (32.24)		
*4	Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	3:53.00	4:11.18	q
	r:+0.67 28.99	59.97 (30.98)	1:31.30 (31.33)	2:03.11 (31.81)		
	2:35.49 (32.38)	3:07.48 (31.99)	3:40.09 (32.61)	4:11.18 (31.09)		
*4	Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	3:52.00	4:11.18	q
	r:+0.62 28.47	59.56 (31.09)	1:31.86 (32.30)	2:04.61 (32.75)		
	2:37.18 (32.57)	3:09.75 (32.57)	3:42.03 (32.28)	4:11.18 (29.15)		
6	Le Do, Gia Khang	20	TP Ho Chi Minh	4:06.77	4:12.66	q
	r:+0.67 29.04	1:00.40 (31.36)	1:32.11 (31.71)	2:04.10 (31.99)		
	2:36.23 (32.13)	3:08.59 (32.36)	3:40.92 (32.33)	4:12.66 (31.74)		
7	Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	4:05.00	4:20.47	q
	r:+0.67 30.08	1:02.49 (32.41)	1:35.53 (33.04)	2:08.89 (33.36)		
	2:42.51 (33.62)	3:15.62 (33.11)	3:48.52 (32.90)	4:20.47 (31.95)		
8	Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	4:14.50	4:20.87	q
	r:+0.58 29.30	1:01.87 (32.57)	1:34.58 (32.71)	2:07.39 (32.81)		
	2:40.31 (32.92)	3:13.94 (33.63)	3:47.95 (34.01)	4:20.87 (32.92)		
9	Bui Minh, Khang	17	TP Ho Chi Minh	4:09.55	4:28.77	
	r:+0.71 27.90	1:00.85 (32.95)	1:35.79 (34.94)	2:10.28 (34.49)		
	2:45.15 (34.87)	3:20.23 (35.08)	3:54.93 (34.70)	4:28.77 (33.84)		
---	Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	NT	X4:13.54	
	r:+0.67 28.62	1:00.44 (31.82)	1:32.93 (32.49)	2:05.55 (32.62)		
	2:37.93 (32.38)	3:10.72 (32.79)	3:42.94 (32.22)	4:13.54 (30.60)		
---	Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	NT	X4:17.27	
	r:+0.64 29.87	1:02.61 (32.74)	1:36.24 (33.63)	2:09.90 (33.66)		
	2:43.54 (33.64)	3:17.11 (33.57)	3:47.78 (30.67)	4:17.27 (29.49)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Dao Nguyen, Thanh Vinh	16	Quan Doi	NT	X4:19.67
r:+0.59 28.98	1:00.67 (31.69)	1:33.52 (32.85)	2:07.07 (33.55)	
2:40.99 (33.92)	3:14.94 (33.95)	3:48.40 (33.46)	4:19.67 (31.27)	
--- Banh Tien, Hung	14	TP Ho Chi Minh	NT	X4:22.07
r:+0.70 29.86	1:01.92 (32.06)	1:34.90 (32.98)	2:08.59 (33.69)	
2:42.28 (33.69)	3:16.22 (33.94)	3:49.80 (33.58)	4:22.07 (32.27)	
--- Le Dinh, Binh An	13	Quan Doi	NT	X4:30.64
r:+0.61 30.38	1:03.45 (33.07)	1:38.30 (34.85)	2:12.81 (34.51)	
2:48.15 (35.34)	3:22.47 (34.32)	3:58.23 (35.76)	4:30.64 (32.41)	
--- Tran Anh, Tu	17	TP Ho Chi Minh	NT	X4:51.29
r:+0.68 30.06	1:03.67 (33.61)	1:38.79 (35.12)	2:16.30 (37.51)	
2:54.93 (38.63)	3:34.42 (39.49)	4:13.52 (39.10)	4:51.29 (37.77)	

Event 320 Women 1500 LC Meter Freestyle

KLQG: 16:28.18 # 5/2017			Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	16:58.68	17:07.00		
r:+0.69 31.09	1:04.65 (33.56)	1:38.51 (33.86)	2:12.71 (34.20)			
2:46.77 (34.06)	3:20.95 (34.18)	3:54.67 (33.72)	4:28.43 (33.76)			
5:01.99 (33.56)	5:35.76 (33.77)	6:09.04 (33.28)	6:43.03 (33.99)			
7:16.49 (33.46)	7:50.15 (33.66)	8:23.59 (33.44)	8:57.40 (33.81)			
9:31.45 (34.05)	10:06.35 (34.90)	10:41.18 (34.83)	11:16.78 (35.60)			
11:51.93 (35.15)	12:27.44 (35.51)	13:02.38 (34.94)	13:37.67 (35.29)			
14:12.74 (35.07)	14:47.95 (35.21)	15:22.67 (34.72)	15:58.14 (35.47)			
16:32.93 (34.79)	17:07.00 (34.07)					
2 Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	17:11.98	17:31.01		
r:+0.70 30.35	1:03.88 (33.53)	1:38.08 (34.20)	2:12.71 (34.63)			
2:47.11 (34.40)	3:21.83 (34.72)	3:56.28 (34.45)	4:31.23 (34.95)			
5:05.77 (34.54)	5:40.76 (34.99)	6:15.56 (34.80)	6:50.58 (35.02)			
7:25.42 (34.84)	8:00.61 (35.19)	8:35.85 (35.24)	9:11.09 (35.24)			
9:46.32 (35.23)	10:21.75 (35.43)	10:57.24 (35.49)	11:32.90 (35.66)			
12:08.83 (35.93)	12:44.90 (36.07)	13:20.59 (35.69)	13:56.72 (36.13)			
14:32.69 (35.97)	15:09.02 (36.33)	15:44.97 (35.95)	16:20.07 (35.10)			
16:55.50 (35.43)	17:31.01 (35.51)					
3 Nguyen Ngoc, Tuyet Han	16	Dong Thap	17:30.00	17:46.33		
r:+0.57 31.93	1:06.22 (34.29)	1:41.15 (34.93)	2:16.07 (34.92)			
2:50.92 (34.85)	3:25.92 (35.00)	4:00.99 (35.07)	4:36.37 (35.38)			
5:11.68 (35.31)	5:47.32 (35.64)	6:22.57 (35.25)	6:58.22 (35.65)			
7:33.48 (35.26)	8:09.39 (35.91)	8:44.93 (35.54)	9:20.67 (35.74)			
9:56.47 (35.80)	10:32.69 (36.22)	11:08.76 (36.07)	11:45.12 (36.36)			
12:20.63 (35.51)	12:57.34 (36.71)	13:33.57 (36.23)	14:10.09 (36.52)			
14:46.29 (36.20)	15:23.20 (36.91)	15:59.47 (36.27)	16:35.97 (36.50)			
17:11.75 (35.78)	17:46.33 (34.58)					
4 Le Huynh, Tu Uyen	15	Quan Doi	17:30.00	18:07.02		
r:+0.67 32.29	1:06.57 (34.28)	1:42.05 (35.48)	2:17.55 (35.50)			
2:52.89 (35.34)	3:28.39 (35.50)	4:03.77 (35.38)	4:39.23 (35.46)			
5:14.40 (35.17)	5:49.61 (35.21)	6:25.15 (35.54)	7:01.44 (36.29)			
7:37.40 (35.96)	8:13.51 (36.11)	8:49.85 (36.34)	9:26.37 (36.52)			
10:03.07 (36.70)	10:40.01 (36.94)	11:17.07 (37.06)	11:54.10 (37.03)			
12:30.92 (36.82)	13:08.12 (37.20)	13:45.82 (37.70)	14:22.56 (36.74)			
15:00.30 (37.74)	15:37.37 (37.07)	16:14.75 (37.38)	16:52.49 (37.74)			
17:30.42 (37.93)	18:07.02 (36.60)					

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

(Event 320 Women 1500 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
5 Phan Thi, Thuy An	15	Quan Doi	17:30.00	18:26.49	
r:+0.66 31.92	1:06.53 (34.61)	1:43.14 (36.61)	2:19.54 (36.40)		
2:56.26 (36.72)	3:32.72 (36.46)	4:09.83 (37.11)	4:46.57 (36.74)		
5:23.39 (36.82)	6:00.21 (36.82)	6:37.46 (37.25)	7:14.42 (36.96)		
7:51.77 (37.35)	8:29.18 (37.41)	9:06.39 (37.21)	9:43.64 (37.25)		
10:21.11 (37.47)	10:58.48 (37.37)	11:36.01 (37.53)	12:13.45 (37.44)		
12:51.09 (37.64)	13:28.37 (37.28)	14:05.91 (37.54)	14:43.16 (37.25)		
15:20.56 (37.40)	15:58.12 (37.56)	16:35.65 (37.53)	17:12.88 (37.23)		
17:50.19 (37.31)	18:26.49 (36.30)				
6 Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	18:10.00	18:51.46	
r:+0.55 32.03	1:07.50 (35.47)	1:44.25 (36.75)	2:21.45 (37.20)		
2:57.96 (36.51)	3:35.19 (37.23)	4:13.42 (38.23)	4:51.51 (38.09)		
5:29.69 (38.18)	6:07.51 (37.82)	6:45.34 (37.83)	7:23.53 (38.19)		
8:01.16 (37.63)	8:38.58 (37.42)	9:16.15 (37.57)	9:54.07 (37.92)		
10:32.33 (38.26)	11:11.12 (38.79)	11:49.87 (38.75)	12:28.98 (39.11)		
13:08.04 (39.06)	13:47.50 (39.46)	14:25.90 (38.40)	15:04.29 (38.39)		
15:42.80 (38.51)	16:21.83 (39.03)	16:59.93 (38.10)	17:38.07 (38.14)		
18:14.94 (36.87)	18:51.46 (36.52)				

Event 321 Mixed 4x100 LC Meter Medley Relay

KLQG: 4:02.11 # 12/10/2024		TP Ho Chi Minh		HCM	
		K Tran Duy, P Vu Thi, P Nguyen Diep, J Luong			
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	4:01.01 #		
1) Tran Duy, Khoi M28	2) r:0.50 Bui Sy, Nhat M18	3) r:0.39 Nguyen Diep, Phuong Tra4	4) r:0.50 Nguyen Kha, Nhi W17		
r:+0.52 27.33	56.64 (56.64)	1:26.33 (29.69)	2:00.34 (1:03.70)		
2:29.23 (28.89)	3:02.58 (1:02.24)	3:30.53 (27.95)	4:01.01 (58.43)		
2 Quan Doi	A	NT	4:03.89		
1) Tran Hung, Nguyen M22	2) r:0.15 Le Thanh, Duoc M21	3) r:0.53 Vo Thi, Bao Ngoc W14	4) r:0.26 Nguyen Thuy, Hien W16		
r:+0.63 27.79	57.31 (57.31)	1:27.30 (29.99)	2:01.63 (1:04.32)		
2:31.56 (29.93)	3:06.74 (1:05.11)	3:34.29 (27.55)	4:03.89 (57.15)		
3 Da Nang	A	NT	4:12.67		
1) Nguyen Tri, Viet M14	2) r:0.23 Nguyen Huu, Kim Son M3	3) r:0.49 Le Thi, Thuy Trang W17	4) r:0.62 Nguyen Doan, Minh Anh		
r:+0.54 28.96	1:00.62 (1:00.62)	1:29.92 (29.30)	2:06.27 (1:05.65)		
2:36.35 (30.08)	3:11.35 (1:05.08)	3:40.65 (29.30)	4:12.67 (1:01.32)		
4 Ha Noi	A	NT	4:33.56		
1) Nguyen Ngoc, Giang W16	2) r:0.73 Le Xuan, An M15	3) r:0.20 Nguyen Huu, Duc M18	4) r:0.47 Dinh Thi, Ngoc Diep W18		
r:+0.63 35.40	1:14.01 (1:14.01)	1:45.97 (31.96)	2:23.52 (1:09.51)		
2:50.70 (27.18)	3:24.98 (1:01.46)	3:56.65 (31.67)	4:33.56 (1:08.58)		

Event 422 Women 50 LC Meter Backstroke

KLQG: 29.26 # 8/2013		Nguyen T Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	30.10	29.42	
r:+0.58					
2 Pham Thi, Van	20	Thanh Hoa	30.00	29.69	
r:+0.59					
3 Nguyen Ngoc, Thuy Tien	17	TP Ho Chi Minh	29.00	29.79	
r:+0.67					
4 Tran Anh, Thu	16	Quan Doi	31.00	30.91	
r:+0.59					
5 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	30.70	30.95	
r:+0.57					
6 Nguyen Ngoc, Huyen Tran	14	Vinh Long	30.00	31.03	
r:+0.60					

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

(Event 422 Women 50 LC Meter Backstroke)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
7	Hoang Thi, Trang r:+0.65	24	Thanh Hóa	30.00	31.05	
8	Nguyen Doan, Minh Anh r:+0.59	16	Da Nang	32.00	33.50	
9	Nguyen Ngoc, Giang r:+0.63	16	Ha Noi	32.50	34.25	
10	Le Dang, Ngoc Tram r:+0.58	13	Vinh Long	32.00	34.58	
11	Dinh Thi, Ngoc Diep r:+0.63	18	Ha Noi	32.50	34.85	
12	Tran Ngoc, Bang Tam r:+0.82	16	Da Nang	31.00	35.83	
---	Luong Thi, Minh Nguyệt r:+0.57	14	Thanh Hóa	NT	X31.39	
---	Pham Nhat, Anh r:+0.58	14	Ha Noi	NT	X31.49	
---	Nguyen Thi, Anh Ngoc r:+0.66	15	Ha Noi	NT	X35.38	
---	Le Huong, Giang r:+0.58	13	Ha Noi	NT	X39.46	

Event 423 Men 50 LC Meter Backstroke

KLQG: 25.50 # 2016		Le Nguyen Paul		An Giang		
	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Tran Duy, Khoi r:+0.53	28	TP Ho Chi Minh	26.09	26.06	
2	Trinh Truong, Vinh r:+0.52	18	TP Ho Chi Minh	27.07	26.85	
3	Cao Van, Dung r:+0.57	22	Ha Noi	27.10	27.53	
4	Mai Tran, Tuan Anh r:+0.53	19	Quan Doi	27.00	27.89	
5	Nguyen Tri, Viet r:+0.52	14	Da Nang	29.00	28.36	
6	Ha Huy, Tien r:+0.58	16	Ha Noi	29.01	30.25	
7	Pham Quoc, Cuong r:+0.57	12	Vinh Long	29.00	30.88	
---	Pham Truong, Thinh r:+0.49	13	TP Ho Chi Minh	NT	X29.61	

Event 424 Women 400 LC Meter IM

KLQG: 4:36.85 # 8/2016		Nguyen T Anh Vien		Quan Doi		
	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vo Thi, My Tien r:+0.67 29.64 3:04.20 (40.88)	20	Tay Ninh	4:55.46 2:23.32 (39.43) 4:57.39 (36.52)	4:57.39	
2	Nguyen Ngoc, Tuyet Han r:+0.64 30.79 3:06.81 (44.07)	16	Dong Thap	4:58.00 2:22.74 (38.49) 5:00.26 (33.86)	5:00.26	
3	Le Thi, Thuy Trang r:+0.66 31.39 3:10.14 (45.09)	17	Da Nang	5:02.00 2:25.05 (38.18) 5:06.61 (35.88)	5:06.61	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

(Event 424 Women 400 LC Meter IM)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
4 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	5:06.00	5:16.35	
r:+0.69 33.32	1:12.10 (38.78)	1:53.05 (40.95)	2:33.12 (40.07)		
3:19.75 (46.63)	4:06.23 (46.48)	4:42.02 (35.79)	5:16.35 (34.33)		
5 Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	5:19.00	5:19.40	
r:+0.71 31.52	1:09.01 (37.49)	1:53.27 (44.26)	2:35.41 (42.14)		
3:20.87 (45.46)	4:07.32 (46.45)	4:44.23 (36.91)	5:19.40 (35.17)		
6 Pham Chau, Hoang Ha	13	Quang Tri	5:25.00	5:29.43	
34.04	1:15.82 (41.78)	2:00.44 (44.62)	2:42.76 (42.32)		
3:28.38 (45.62)	4:13.63 (45.25)	4:53.61 (39.98)	5:29.43 (35.82)		
7 Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	5:35.00	5:30.70	
r:+0.53 34.41	1:16.30 (41.89)	2:01.05 (44.75)	2:43.52 (42.47)		
3:29.57 (46.05)	4:15.43 (45.86)	4:55.28 (39.85)	5:30.70 (35.42)		
8 Tran Ngoc, Bang Tam	16	Da Nang	5:30.00	5:32.46	
r:+0.68 33.08	1:11.85 (38.77)	1:55.18 (43.33)	2:36.96 (41.78)		
3:27.70 (50.74)	4:18.20 (50.50)	4:56.14 (37.94)	5:32.46 (36.32)		

Event 425 Men 200 LC Meter IM

KLQG: 2:01.28 # 5/2023		Tran Hung Nguyen		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Hung, Nguyen	22	Quan Doi	2:01.00	2:03.87	
r:+0.65 26.64	57.45 (30.81)	1:33.05 (35.60)	2:03.87 (30.82)		
2 Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	2:02.00	2:04.88	
r:+0.65 26.87	58.93 (32.06)	1:35.23 (36.30)	2:04.88 (29.65)		
3 Cao Van, Dung	22	Ha Noi	2:04.00	2:10.12	
r:+0.69 27.36	59.81 (32.45)	1:37.72 (37.91)	2:10.12 (32.40)		
4 Banh Tien, Hung	14	TP Ho Chi Minh	2:15.00	2:12.93	
r:+0.70 28.55	1:03.44 (34.89)	1:41.45 (38.01)	2:12.93 (31.48)		
5 Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	2:15.17	2:15.62	
r:+0.54 28.46	1:03.34 (34.88)	1:43.32 (39.98)	2:15.62 (32.30)		
6 Nguyen Tri, Phong	17	Can Tho	2:10.00	2:16.73	
r:+0.69 28.24	1:03.61 (35.37)	1:45.09 (41.48)	2:16.73 (31.64)		
7 Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	2:12.00	2:18.31	
r:+0.56 28.58	1:02.26 (33.68)	1:45.68 (43.42)	2:18.31 (32.63)		
8 Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	2:18.00	2:20.47	
r:+0.59 29.29	1:06.86 (37.57)	1:48.18 (41.32)	2:20.47 (32.29)		
9 Ta Minh, Hieu	20	Hai Phong	NT	2:21.78	
r:+0.60 29.91	1:10.41 (40.50)	1:49.24 (38.83)	2:21.78 (32.54)		
10 Pham Quoc, Cuong	12	Vinh Long	2:25.00	2:33.36	
r:+0.65 32.12	1:10.96 (38.84)	1:59.72 (48.76)	2:33.36 (33.64)		
--- Pham Truong, Thinh	13	TP Ho Chi Minh	NT	X2:22.13	
r:+0.60 29.85	1:05.92 (36.07)	1:49.80 (43.88)	2:22.13 (32.33)		
--- Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X2:23.67	
r:+0.69 30.12	1:07.23 (37.11)	1:50.58 (43.35)	2:23.67 (33.09)		
--- Tran Phi, Long	12	Quan Doi	NT	X2:44.14	
r:+0.83 34.43	1:19.06 (44.63)	2:04.15 (45.09)	2:44.14 (39.99)		

Event 426 Women 800 LC Meter Freestyle

KLQG: 8:34.85 # 6/2015		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	8:55.68	8:50.44	
r:+0.68 30.90	1:04.30 (33.40)	1:37.71 (33.41)	2:11.30 (33.59)		
2:44.43 (33.13)	3:17.64 (33.21)	3:50.66 (33.02)	4:23.99 (33.33)		
4:57.14 (33.15)	5:30.33 (33.19)	6:03.53 (33.20)	6:37.03 (33.50)		
7:10.49 (33.46)	7:44.25 (33.76)	8:18.16 (33.91)	8:50.44 (32.28)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

(Event 426 Women 800 LC Meter Freestyle)

Name		Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
2	Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	9:06.23	9:04.83	
	r:+0.69 30.97	1:04.64 (33.67)	1:38.46 (33.82)	2:12.53 (34.07)		
	2:46.50 (33.97)	3:20.63 (34.13)	3:55.12 (34.49)	4:29.17 (34.05)		
	5:03.27 (34.10)	5:37.89 (34.62)	6:12.31 (34.42)	6:46.80 (34.49)		
	7:21.39 (34.59)	7:56.21 (34.82)	8:30.66 (34.45)	9:04.83 (34.17)		
3	Le Huynh, Tu Uyen	15	Quan Doi	9:10.00	9:17.70	
	r:+0.70 31.60	1:05.81 (34.21)	1:40.53 (34.72)	2:15.48 (34.95)		
	2:50.53 (35.05)	3:25.51 (34.98)	4:00.87 (35.36)	4:35.93 (35.06)		
	5:11.46 (35.53)	5:46.82 (35.36)	6:22.23 (35.41)	6:57.55 (35.32)		
	7:33.16 (35.61)	8:08.47 (35.31)	8:43.72 (35.25)	9:17.70 (33.98)		
4	Nguyen Hoang, Linh	13	Phu Tho	9:28.00	9:35.15	
	r:+0.53 31.63	1:06.70 (35.07)	1:42.02 (35.32)	2:18.43 (36.41)		
	2:54.19 (35.76)	3:30.15 (35.96)	4:06.52 (36.37)	4:42.79 (36.27)		
	5:18.98 (36.19)	5:55.64 (36.66)	6:32.10 (36.46)	7:08.73 (36.63)		
	7:45.58 (36.85)	8:22.45 (36.87)	8:59.21 (36.76)	9:35.15 (35.94)		
5	Pham Thu, Trang	14	Quang Ninh	9:41.34	9:51.63	
	r:+0.74 32.64	1:08.64 (36.00)	1:45.86 (37.22)	2:22.36 (36.50)		
	3:00.30 (37.94)	3:37.02 (36.72)	4:14.47 (37.45)	4:51.71 (37.24)		
	5:29.25 (37.54)	6:06.53 (37.28)	6:44.06 (37.53)	7:21.27 (37.21)		
	7:59.31 (38.04)	8:36.65 (37.34)	9:14.58 (37.93)	9:51.63 (37.05)		
6	Tran Ngoc, Bang Tam	16	Da Nang	10:00.00	10:13.41	
	r:+0.68 34.97	1:13.48 (38.51)	1:52.04 (38.56)	2:30.54 (38.50)		
	3:08.57 (38.03)	3:47.50 (38.93)	4:26.29 (38.79)	5:05.66 (39.37)		
	5:44.08 (38.42)	6:22.48 (38.40)	7:00.95 (38.47)	7:39.94 (38.99)		
	8:19.20 (39.26)	8:57.80 (38.60)	9:35.67 (37.87)	10:13.41 (37.74)		
7	Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	10:30.00	10:36.24	
	r:+0.51 34.34	1:12.98 (38.64)	1:52.73 (39.75)	2:32.03 (39.30)		
	3:12.43 (40.40)	3:53.09 (40.66)	4:33.51 (40.42)	5:14.27 (40.76)		
	5:54.84 (40.57)	6:35.53 (40.69)	7:15.94 (40.41)	7:56.50 (40.56)		
	8:36.98 (40.48)	9:17.06 (40.08)	9:57.07 (40.01)	10:36.24 (39.17)		
8	Phan Thi, Thuy An	15	Quan Doi	9:16.00	10:51.30	
	r:+0.73 36.86	1:16.68 (39.82)	1:57.32 (40.64)	2:37.95 (40.63)		
	3:18.82 (40.87)	3:59.19 (40.37)	4:40.36 (41.17)	5:21.15 (40.79)		
	6:02.26 (41.11)	6:43.23 (40.97)	7:24.89 (41.66)	8:06.20 (41.31)		
	8:47.60 (41.40)	9:28.38 (40.78)	10:10.41 (42.03)	10:51.30 (40.89)		

Event 427 Men 800 LC Meter Freestyle

KLQG: 7:50.20 # 10/2018		Nguyen Huy Hoang		Quang Binh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	7:55.00	8:02.54
	r:+0.70 27.68	57.35 (29.67)	1:27.09 (29.74)	1:56.97 (29.88)	
	2:26.91 (29.94)	2:57.10 (30.19)	3:27.14 (30.04)	3:57.50 (30.36)	
	4:27.87 (30.37)	4:58.31 (30.44)	5:28.71 (30.40)	5:59.22 (30.51)	
	6:30.14 (30.92)	7:00.77 (30.63)	7:31.74 (30.97)	8:02.54 (30.80)	
2	Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	8:05.00	8:10.08
	r:+0.65 28.18	58.24 (30.06)	1:27.90 (29.66)	1:58.20 (30.30)	
	2:27.88 (29.68)	2:58.43 (30.55)	3:28.56 (30.13)	3:59.38 (30.82)	
	4:30.44 (31.06)	5:02.06 (31.62)	5:33.45 (31.39)	6:05.22 (31.77)	
	6:36.51 (31.29)	7:08.48 (31.97)	7:39.65 (31.17)	8:10.08 (30.43)	
3	Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	8:08.00	8:10.61
	r:+0.65 28.14	58.92 (30.78)	1:29.04 (30.12)	1:59.65 (30.61)	
	2:29.72 (30.07)	3:00.79 (31.07)	3:31.80 (31.01)	4:03.23 (31.43)	
	4:34.30 (31.07)	5:05.72 (31.42)	5:37.00 (31.28)	6:08.72 (31.72)	
	6:40.04 (31.32)	7:11.35 (31.31)	7:41.91 (30.56)	8:10.61 (28.70)	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025**Results****(Event 427 Men 800 LC Meter Freestyle)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
4	Mai Tran, Tuan Anh	19	Quan Doi	8:15.00	8:15.74	
	r:+0.62 28.87	59.77 (30.90)	1:30.55 (30.78)	2:01.47 (30.92)		
	2:32.58 (31.11)	3:03.90 (31.32)	3:34.99 (31.09)	4:06.26 (31.27)		
	4:37.29 (31.03)	5:08.50 (31.21)	5:39.39 (30.89)	6:10.48 (31.09)		
	6:41.29 (30.81)	7:12.43 (31.14)	7:43.17 (30.74)	8:15.74 (32.57)		
5	Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	NT	8:17.84	
	r:+0.62 27.89	58.38 (30.49)	1:29.42 (31.04)	2:00.68 (31.26)		
	2:32.20 (31.52)	3:03.60 (31.40)	3:35.30 (31.70)	4:06.86 (31.56)		
	4:38.34 (31.48)	5:09.85 (31.51)	5:41.45 (31.60)	6:13.24 (31.79)		
	6:44.83 (31.59)	7:16.63 (31.80)	7:48.05 (31.42)	8:17.84 (29.79)		
6	Le Do, Gia Khang	20	TP Ho Chi Minh	8:20.00	8:29.01	
	r:+0.65 28.84	1:00.15 (31.31)	1:31.74 (31.59)	2:03.52 (31.78)		
	2:35.24 (31.72)	3:07.30 (32.06)	3:39.16 (31.86)	4:11.37 (32.21)		
	4:43.58 (32.21)	5:15.65 (32.07)	5:47.95 (32.30)	6:20.36 (32.41)		
	6:52.77 (32.41)	7:25.06 (32.29)	7:57.03 (31.97)	8:29.01 (31.98)		
7	Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	8:39.87	8:44.01	
	r:+0.64 29.79	1:01.74 (31.95)	1:35.08 (33.34)	2:08.10 (33.02)		
	2:41.33 (33.23)	3:14.47 (33.14)	3:47.94 (33.47)	4:21.20 (33.26)		
	4:54.59 (33.39)	5:27.74 (33.15)	6:00.56 (32.82)	6:33.81 (33.25)		
	7:06.70 (32.89)	7:39.76 (33.06)	8:12.30 (32.54)	8:44.01 (31.71)		
8	Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	8:50.00	8:51.18	
	r:+0.61 29.81	1:02.70 (32.89)	1:35.54 (32.84)	2:08.74 (33.20)		
	2:41.87 (33.13)	3:15.50 (33.63)	3:48.62 (33.12)	4:21.76 (33.14)		
	4:55.26 (33.50)	5:28.66 (33.40)	6:01.98 (33.32)	6:35.39 (33.41)		
	7:09.28 (33.89)	7:43.33 (34.05)	8:17.59 (34.26)	8:51.18 (33.59)		
9	Pham Quoc, Cuong	12	Vinh Long	9:20.00	9:41.73	
	r:+0.59 32.21	1:08.18 (35.97)	1:44.94 (36.76)	2:22.07 (37.13)		
	2:59.19 (37.12)	3:36.10 (36.91)	4:13.10 (37.00)	4:49.69 (36.59)		
	5:26.83 (37.14)	6:03.61 (36.78)	6:40.30 (36.69)	7:17.14 (36.84)		
	7:53.88 (36.74)	8:30.38 (36.50)	9:06.25 (35.87)	9:41.73 (35.48)		
---	Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X8:37.82	
	r:+0.67 29.40	1:01.27 (31.87)	1:33.50 (32.23)	2:06.08 (32.58)		
	2:38.33 (32.25)	3:10.98 (32.65)	3:43.58 (32.60)	4:16.15 (32.57)		
	4:48.95 (32.80)	5:21.56 (32.61)	5:54.31 (32.75)	6:27.29 (32.98)		
	6:59.94 (32.65)	7:32.93 (32.99)	8:05.95 (33.02)	8:37.82 (31.87)		
---	Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	NT	X8:47.15	
	r:+0.64 29.31	1:01.06 (31.75)	1:32.75 (31.69)	2:04.70 (31.95)		
	2:37.06 (32.36)	3:09.68 (32.62)	3:42.34 (32.66)	4:15.61 (33.27)		
	4:48.90 (33.29)	5:22.52 (33.62)	5:57.12 (34.60)	6:31.89 (34.77)		
	7:06.61 (34.72)	7:41.35 (34.74)	8:15.22 (33.87)	8:47.15 (31.93)		
---	Le Dinh, Binh An	13	Quan Doi	NT	X8:56.02	
	r:+0.62 29.68	1:03.00 (33.32)	1:36.34 (33.34)	2:09.34 (33.00)		
	2:42.86 (33.52)	3:16.62 (33.76)	3:50.45 (33.83)	4:24.47 (34.02)		
	4:58.50 (34.03)	5:32.74 (34.24)	6:07.28 (34.54)	6:41.56 (34.28)		
	7:15.97 (34.41)	7:49.97 (34.00)	8:24.07 (34.10)	8:56.02 (31.95)		
---	Banh Tien, Hung	14	TP Ho Chi Minh	NT	X9:03.58	
	r:+0.66 29.47	1:01.35 (31.88)	1:34.67 (33.32)	2:08.30 (33.63)		
	2:42.76 (34.46)	3:17.19 (34.43)	3:51.07 (33.88)	4:25.30 (34.23)		
	4:59.71 (34.41)	5:34.52 (34.81)	6:09.45 (34.93)	6:44.59 (35.14)		
	7:19.84 (35.25)	7:54.84 (35.00)	8:29.64 (34.80)	9:03.58 (33.94)		
---	Tran Anh, Tu	17	TP Ho Chi Minh	NT	X9:41.79	
	r:+0.70 28.99	1:01.57 (32.58)	1:34.97 (33.40)	2:10.58 (35.61)		
	2:46.99 (36.41)	3:24.16 (37.17)	4:01.43 (37.27)	4:39.16 (37.73)		
	5:17.14 (37.98)	5:55.52 (38.38)	6:33.01 (37.49)	7:11.23 (38.22)		
	7:49.07 (37.84)	8:26.98 (37.91)	9:04.34 (37.36)	9:41.79 (37.45)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 428 Women 4x100 LC Meter Medley Relay

KLQG: 4:17.63 # 13/10/2024		TP Ho Chi Minh		HCM	
		Nguyen Ngoc, Vu Thi, Nguyen Diep, Nguyen Kha			
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	4:21.83		
1) Nguyen Diep, Phuong Tram 24		2) r:0.30 Vu Thi, Phuong Anh 24	3) r:0.47 Vu Thi, Phuong Anh 17	4) Nguyen Kha, Nhi 17	
r:+0.63 31.38 1:04.20 (1:04.20)		1:37.78 (33.58)	2:17.93 (1:13.73)		
2:47.20 (29.27) 4:21.95 (2:04.02)		3:50.67 ()	4:21.83 ()		
2 Quan Doi	A	NT	4:24.92		
1) Tran Anh, Thu 16		2) r:0.40 Nguyen Thuy, Hien 16	3) r:0.52 Vo Thi, Bao Ngoc 14	4) r:0.62 Phan Thi, Thuy An 15	
r:+0.60 33.13 1:06.68 (1:06.68)		1:40.11 (33.43)	2:19.45 (1:12.77)		
2:48.92 (29.47) 3:24.31 (1:04.86)		3:53.65 (29.34)	4:24.92 (1:00.61)		
3 Da Nang	A	NT	4:42.63		
1) Hoang Thi, Hai Yen 15		2) r:0.50 Le Thi, Thuy Trang 17	3) r:0.64 Nguyen Doan, Minh Anh 4)	r:0.28 Huynh Xuan Mai, Bella 1	
r:+0.66 36.18 1:15.85 (1:15.85)		1:52.73 (36.88)	2:35.08 (1:19.23)		
3:05.72 (30.64) 3:41.66 (1:06.58)		4:10.50 (28.84)	4:42.63 (1:00.97)		
4 Ha Noi	A	NT	5:05.47		
1) Nguyen Ngoc, Giang 16		2) r:0.50 Le Diem, Quynh 19	3) r:0.83 Nguyen Thi, Anh Ngoc 15)	4) Dinh Thi, Ngoc Diep 18	
r:+0.63 35.17 1:12.91 (1:12.91)		1:51.75 (38.84)	2:37.49 (1:24.58)		
3:11.79 (34.30) 5:05.63 (2:28.14)		4:28.50 ()	5:05.47 ()		

Event 429 Men 4x100 LC Meter Medley Relay

KLQG: 3:39.76 # 5/2022		Paul, Bao, Phuoc, Jeremie		Doi tuyen	
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:45.62		
1) Tran Duy, Khoi 28		2) r:0.44 Bui Sy, Nhat 18	3) r:0.41 Nguyen Phan, Nhat Quan	4) r:0.22 Luong Jeremie, Loic Ninh	
r:+0.52 27.33		56.93 (56.93)	1:26.86 (29.93)	2:00.47 (1:03.54)	
2:26.07 (25.60)		2:55.97 (55.50)	3:19.55 (23.58)	3:45.62 (49.65)	
2 Da Nang	A	NT	3:48.38		
1) Nguyen Ngoc, Trien 28		2) r:0.20 Nguyen Huu, Kim Son 23	3) r:0.43 Nguyen Viet, Tuong 21	4) r:0.57 Hoang Quy, Phuoc 32	
r:+0.57 28.30		59.22 (59.22)	1:28.46 (29.24)	2:02.92 (1:03.70)	
2:28.48 (25.56)		2:57.76 (54.84)	3:22.20 (24.44)	3:48.38 (50.62)	
3 Quan Doi	A	NT	4:04.90		
1) Tran Hung, Nguyen 22		2) r:0.40 Le Thanh, Duoc 21	3) r:0.45 Nguyen Quang, Thuan 19	4) r:0.56 Mai Tran, Tuan Anh 19	
r:+0.59 28.70		59.88 (59.88)	1:29.90 (30.02)	2:04.26 (1:04.38)	
2:32.35 (28.09)		3:05.39 (1:01.13)	3:34.29 (28.90)	4:04.90 (59.51)	
4 Ha Noi	A	NT	4:23.10		
1) Nguyen Huu, Duc 18		2) r:0.79 Ha Huy, Tien 16	3) r:0.66 Ha Van, Toan 16	4) r:0.29 Pham Nhat, Anh 14	
r:+0.63 31.78		1:06.52 (1:06.52)	1:40.63 (34.11)	2:20.79 (1:14.27)	
2:49.14 (28.35)		3:23.03 (1:02.24)	3:51.58 (28.55)	4:23.10 (1:00.07)	

Event 530 Women 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 27.31 # 14/10/2023		Hien Nguyen Thuy		QDI	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	28.87	27.34	
r:+0.55					
2 Pham Thi, Van	20	Thanh Hoa	29.14	27.77	
r:+0.66					
3 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	29.79	27.92	
r:+0.62					
4 Vo Thi, Bao Ngoc	14	Quan Doi	29.60	28.71	
r:+0.65					
5 Nguyen Kha, Nhi	17	TP Ho Chi Minh	29.34	30.31	
r:+0.70					

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

A - Final ... (Event 530 Women 50 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
6	Nguyen Doan, Minh Anh r:+0.68	16	Da Nang	30.80	30.48	
7	Nguyen Ngoc, Giang r:+0.75	16	Ha Noi	31.66	31.25	
8	Pham Thu, Trang r:+0.78	14	Quang Ninh	31.87	31.47	

Event 530 Women 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 27.31 # 14/10/2023		Hien Nguyen Thuy		QDI	
	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries					
1	Nguyen Thuy, Hien r:+0.57	16	Quan Doi	27.00	28.87 q
2	Pham Thi, Van r:+0.65	20	Thanh Hóa	27.10	29.14 q
3	Nguyen Kha, Nhi r:+0.70	17	TP Ho Chi Minh	28.85	29.34 q
4	Vo Thi, Bao Ngoc r:+0.73	14	Quan Doi	28.00	29.60 q
5	Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.66	24	TP Ho Chi Minh	28.55	29.79 q
6	Nguyen Doan, Minh Anh r:+0.74	16	Da Nang	29.00	30.80 q
7	Nguyen Ngoc, Giang r:+0.80	16	Ha Noi	31.00	31.66 q
8	Pham Thu, Trang r:+0.77	14	Quang Ninh	29.90	31.87 q
9	Tran Thi, Thanh Ha r:+0.51	12	Quang Tri	32.00	32.27
10	Nguyen Hoang, Linh r:+0.54	13	Phu Tho	29.50	32.30
*11	Nguyen Ngoc, Huyen Tran r:+0.77	14	Vinh Long	30.00	32.61
*11	Nguyen Vuong, Gia Ky r:+0.74	13	Vinh Long	30.50	32.61
13	Dinh Thi, Ngoc Diep r:+0.72	18	Ha Noi	31.00	33.58
---	Truong Thanh, Truc r:+0.70	14	Quan Doi	NT	X29.81
---	Le Huong, Giang r:+0.63	13	Ha Noi	NT	X34.95

Event 531 Men 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 23.97 # 5/2023		Nguyen Hoang Khang		Vinh Long	
	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time
A - Final					
1	Nguyen Hoang, Khang r:+0.63	22	Vinh Long	25.64	24.23
2	Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.59	25	TP Ho Chi Minh	25.22	24.50
3	Hoang Quy, Phuoc r:+0.61	32	Da Nang	26.02	25.31

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

A - Final ... (Event 531 Men 50 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
4	Nguyen Phan, Nhat Quang r:+0.57	17	TP Ho Chi Minh	25.81	25.35	
5	Tran Hung, Nguyen r:+0.66	22	Quan Doi	25.72	25.47	
6	Liêu Chi, Vy r:+0.70	17	An Giang	26.13	25.74	
7	Nguyen Van, Hai r:+0.77	22	Ha Noi	27.16	26.90	
8	Nguyen Tri, Phong r:+0.69	17	Can Tho	27.34	27.11	

Event 531 Men 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 23.97 # 5/2023 Nguyen Hoang Khang

Vinh Long

KLQG: 23.97 #

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries						
1	Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.61	25	TP Ho Chi Minh	24.50	25.22	q
2	Nguyen Hoang, Khang r:+0.64	22	Vinh Long	23.80	25.64	q
3	Tran Hung, Nguyen r:+0.67	22	Quan Doi	24.50	25.72	q
4	Nguyen Phan, Nhat Quang r:+0.59	17	TP Ho Chi Minh	25.86	25.81	q
5	Hoang Quy, Phuoc r:+0.63	32	Da Nang	24.80	26.02	q
6	Liêu Chi, Vy r:+0.68	17	An Giang	25.00	26.13	q
7	Nguyen Van, Hai r:+0.74	22	Ha Noi	26.00	27.16	q
8	Nguyen Tri, Phong r:+0.69	17	Can Tho	26.20	27.34	q
9	Mai Duc, Hieu r:+0.64	15	Quan Doi	26.00	27.35	
10	Nguyen Tri, Viet r:+0.59	14	Da Nang	27.00	27.48	
11	Nguyen Huu, Duc r:+0.69	18	Ha Noi	26.00	27.57	
12	Ngo Chi, Khang r:+0.65	15	Vinh Long	28.00	29.34	
---	Nguyen Thanh, Dat r:+0.64	15	Quan Doi	NT	X27.37	
---	Ha Van, Toan r:+0.74	16	Ha Noi	NT	X27.68	
---	Pham Truong, Thinh r:+0.62	13	TP Ho Chi Minh	NT	X28.79	
---	Pham Nhat, Anh r:+0.61	14	Ha Noi	NT	X30.57	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 532 Women 200 LC Meter Freestyle

KLQG:		1:58.82	#	6/2016	Nguyen T Anh Vien		Quan Doi				
Name					Age	Team	Prelim Time		Finals Time		Points
A - Final											
1	Vo Thi, My Tien				20	Tay Ninh	2:15.74		2:02.03		
	r:+0.65	28.94				59.62 (30.68)	1:30.80 (31.18)		2:02.03 (31.23)		
2	Nguyen Thuy, Hien				16	Quan Doi	2:16.09		2:03.36		
	r:+0.57	28.62				1:00.15 (31.53)	1:32.14 (31.99)		2:03.36 (31.22)		
3	Nguyen Kha, Nhi				17	TP Ho Chi Minh	2:16.73		2:05.38		
	r:+0.69	28.56				1:00.51 (31.95)	1:33.11 (32.60)		2:05.38 (32.27)		
4	Vu Thi, Phuong Anh				17	TP Ho Chi Minh	2:15.00		2:07.25		
	r:+0.64	29.35				1:01.17 (31.82)	1:33.96 (32.79)		2:07.25 (33.29)		
5	Phan Thi, Thuy An				15	Quan Doi	2:16.68		2:12.31		
	r:+0.69	30.45				1:03.76 (33.31)	1:38.45 (34.69)		2:12.31 (33.86)		
6	Nguyen Doan, Minh Anh				16	Da Nang	2:16.57		2:13.64		
	r:+0.63	30.58				1:04.60 (34.02)	1:39.79 (35.19)		2:13.64 (33.85)		
7	Nguyen Hoang, Linh				13	Phu Tho	2:14.33		2:14.67		
	r:+0.54	30.66				1:05.34 (34.68)	1:40.94 (35.60)		2:14.67 (33.73)		
8	Huynh Xuan Mai, Bella				17	Da Nang	2:16.66		2:15.68		
	r:+0.69	30.31				1:03.72 (33.41)	1:39.36 (35.64)		2:15.68 (36.32)		

Event 532 Women 200 LC Meter Freestyle

KLQG:		1:58.82	#	6/2016	Nguyen T Anh Vien		Quan Doi			
Name				Age	Team	Seed Time		Prelim Time		
Preliminaries										
1	Nguyen Hoang, Linh			13	Phu Tho		2:09.00		2:14.33	q
	r:+0.54	30.83		1:05.56	(34.73)	1:40.92	(35.36)	2:14.33	(33.41)	
2	Vu Thi, Phuong Anh			17	TP Ho Chi Minh		2:06.92		2:15.00	q
	r:+0.61	31.30		1:05.25	(33.95)	1:40.02	(34.77)	2:15.00	(34.98)	
3	Vo Thi, My Tien			20	Tay Ninh		2:03.50		2:15.74	q
	r:+0.76	31.54		1:05.42	(33.88)	1:40.92	(35.50)	2:15.74	(34.82)	
4	Nguyen Thuy, Hien			16	Quan Doi		2:03.00		2:16.09	q
	r:+0.61	31.21		1:06.10	(34.89)	1:41.38	(35.28)	2:16.09	(34.71)	
5	Nguyen Doan, Minh Anh			16	Da Nang		2:12.00		2:16.57	q
	r:+0.52	31.32		1:06.45	(35.13)	1:42.18	(35.73)	2:16.57	(34.39)	
6	Huynh Xuan Mai, Bella			17	Da Nang		2:16.00		2:16.66	q
	r:+0.70	31.39		1:06.14	(34.75)	1:41.13	(34.99)	2:16.66	(35.53)	
7	Phan Thi, Thuy An			15	Quan Doi		2:07.00		2:16.68	q
	r:+0.75	31.11		1:05.99	(34.88)	1:41.90	(35.91)	2:16.68	(34.78)	
8	Nguyen Kha, Nhi			17	TP Ho Chi Minh		2:05.05		2:16.73	q
	r:+0.69	31.55		1:06.45	(34.90)	1:42.01	(35.56)	2:16.73	(34.72)	
9	Pham Thu, Trang			14	Quang Ninh		2:11.50		2:18.90	
	r:+0.75	32.48		1:07.72	(35.24)	1:44.09	(36.37)	2:18.90	(34.81)	
10	Nguyen Ngoc, Giang			16	Ha Noi		2:18.00		2:27.47	
	r:+0.73	33.15		1:10.19	(37.04)	1:49.24	(39.05)	2:27.47	(38.23)	
11	Bui Ngoc, Lan Anh			12	Vinh Long		2:20.00		2:29.72	
	r:+0.61	32.54		1:09.79	(37.25)	1:50.03	(40.24)	2:29.72	(39.69)	
12	Dinh Thi, Ngoc Diep			18	Ha Noi		2:18.00		2:32.88	
	r:+0.66	32.67		1:10.65	(37.98)	1:51.08	(40.43)	2:32.88	(41.80)	
---	Vo Thi, Bao Ngoc			14	Quan Doi		NT		X2:12.50	
	r:+0.71	31.05		1:04.65	(33.60)	1:39.01	(34.36)	2:12.50	(33.49)	
---	Le Huynh, Tu Uyen			15	Quan Doi		NT		X2:13.78	
	r:+0.67	31.43		1:05.50	(34.07)	1:40.12	(34.62)	2:13.78	(33.66)	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 532 Women 200 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Hoang Thi, Hai Yen	15	Da Nang	NT	X2:25.59
r:+0.71 33.34	1:10.02 (36.68)	1:48.18 (38.16)	2:25.59 (37.41)	

Event 533 Men 200 LC Meter Freestyle

KLQG: 1:48.07 # 8/2017		Hoang Quy Phuoc		Da Nang	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	1:53.74	1:50.13	
r:+0.66 26.30	54.55 (28.25)	1:22.84 (28.29)	1:50.13 (27.29)		
2 Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	1:58.54	1:50.42	
r:+0.65 25.73	54.43 (28.70)	1:23.32 (28.89)	1:50.42 (27.10)		
3 Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	1:58.92	1:51.52	
r:+0.64 26.32	54.49 (28.17)	1:23.02 (28.53)	1:51.52 (28.50)		
4 Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	2:01.05	1:51.64	
r:+0.65 26.23	54.61 (28.38)	1:23.17 (28.56)	1:51.64 (28.47)		
5 Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	1:57.29	1:53.21	
r:+0.64 26.41	55.23 (28.82)	1:24.24 (29.01)	1:53.21 (28.97)		
6 Le Do, Gia Khang	20	TP Ho Chi Minh	2:01.24	1:55.66	
r:+0.64 27.10	56.24 (29.14)	1:25.90 (29.66)	1:55.66 (29.76)		
7 Nguyen Quoc, Thuan	18	TP Ho Chi Minh	1:58.55	1:55.88	
r:+0.65 26.55	55.42 (28.87)	1:25.40 (29.98)	1:55.88 (30.48)		
8 Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	2:03.52	2:05.81	
r:+0.60 28.33	1:00.26 (31.93)	1:33.23 (32.97)	2:05.81 (32.58)		

Event 533 Men 200 LC Meter Freestyle

KLQG: 1:48.07 # 8/2017		Hoang Quy Phuoc		Da Nang	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	1:49.50	1:53.74	q
r:+0.67 26.75	55.37 (28.62)	1:24.65 (29.28)	1:53.74 (29.09)		
2 Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	1:50.00	1:57.29	q
r:+0.64 26.98	57.23 (30.25)	1:27.63 (30.40)	1:57.29 (29.66)		
3 Tran Van, Nguyen Quoc	17	Da Nang	1:50.00	1:58.54	q
r:+0.68 27.46	57.43 (29.97)	1:28.14 (30.71)	1:58.54 (30.40)		
4 Nguyen Quoc, Thuan	18	TP Ho Chi Minh	1:58.19	1:58.55	q
r:+0.65 27.24	57.20 (29.96)	1:28.33 (31.13)	1:58.55 (30.22)		
5 Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	1:50.00	1:58.92	q
r:+0.68 27.79	57.59 (29.80)	1:28.28 (30.69)	1:58.92 (30.64)		
6 Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	1:50.00	2:01.05	q
r:+0.70 29.33	1:00.17 (30.84)	1:31.13 (30.96)	2:01.05 (29.92)		
7 Le Do, Gia Khang	20	TP Ho Chi Minh	1:55.78	2:01.24	q
r:+0.64 29.01	1:00.03 (31.02)	1:31.44 (31.41)	2:01.24 (29.80)		
8 Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	2:02.50	2:03.52	q
r:+0.63 28.99	1:00.51 (31.52)	1:32.28 (31.77)	2:03.52 (31.24)		
9 Ha Van, Toan	16	Ha Noi	1:58.00	2:13.41	
r:+0.77 28.76	1:01.41 (32.65)	1:37.44 (36.03)	2:13.41 (35.97)		
--- Nguyen Huu, Kim Son	23	Da Nang	NT	X1:51.98	
r:+0.64 26.68	55.22 (28.54)	1:23.83 (28.61)	1:51.98 (28.15)		
--- Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	NT	X1:58.51	
r:+0.63 28.04	58.10 (30.06)	1:28.87 (30.77)	1:58.51 (29.64)		
--- Bui Minh, Khang	17	TP Ho Chi Minh	NT	X1:58.61	
r:+0.69 27.13	56.97 (29.84)	1:28.06 (31.09)	1:58.61 (30.55)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 533 Men 200 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	NT	X1:59.27
r:+0.48 27.69	57.77 (30.08)	1:28.78 (31.01)	1:59.27 (30.49)	
--- Dao Nguyen, Thanh Vinh	16	Quan Doi	NT	X1:59.63
r:+0.61 27.57	57.89 (30.32)	1:29.30 (31.41)	1:59.63 (30.33)	
--- Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	NT	X2:00.19
r:+0.58 28.07	57.89 (29.82)	1:29.11 (31.22)	2:00.19 (31.08)	
--- Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X2:01.60
r:+0.69 28.92	1:00.13 (31.21)	1:30.99 (30.86)	2:01.60 (30.61)	
--- Nguyen Quoc, Khai Hoan	22	Da Nang	NT	X2:03.32
r:+0.58 25.53	53.74 (28.21)	1:27.49 (33.75)	2:03.32 (35.83)	
--- Pham Truong, Thinh	13	TP Ho Chi Minh	NT	X2:08.79
r:+0.49 28.75	1:00.34 (31.59)	1:34.74 (34.40)	2:08.79 (34.05)	

Event 534 Women 200 LC Meter Breaststroke

KLQG: 2:30.89 # 8/2017		Nguyen T Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	2:28.66	2:35.05	
r:+0.69 36.86	1:16.56 (39.70)	1:55.99 (39.43)	2:35.05 (39.06)		
2 Nguyen Thuy, Hien	16	Quan Doi	2:34.00	2:41.45	
r:+0.61 36.96	1:19.23 (42.27)	2:01.19 (41.96)	2:41.45 (40.26)		
3 Nguyen Thi, Yen Nhi	16	Hai Phong	2:33.00	2:43.73	
r:+0.75 37.13	1:18.13 (41.00)	2:00.30 (42.17)	2:43.73 (43.43)		
4 Pham Chau, Hoang Ha	13	Quang Tri	2:45.00	2:44.31	
37.49	1:20.82 (43.33)	2:04.20 (43.38)	2:44.31 (40.11)		
5 Vu Thi, Phuong Anh	24	TP Ho Chi Minh	2:41.65	2:48.41	
r:+0.73 37.69	1:20.20 (42.51)	2:03.96 (43.76)	2:48.41 (44.45)		
6 Bui Quynh, Anh	16	Ha Noi	2:45.00	2:49.47	
r:+0.72 36.96	1:20.44 (43.48)	2:03.90 (43.46)	2:49.47 (45.57)		
7 Luong Thi, Minh Nguyệt	14	Thanh Hóa	2:50.00	3:04.46	
r:+0.73 40.48	1:27.47 (46.99)	2:16.54 (49.07)	3:04.46 (47.92)		
8 Le Diem, Quynh	19	Ha Noi	2:58.00	3:08.80	
r:+0.67 41.36	1:29.51 (48.15)	2:19.55 (50.04)	3:08.80 (49.25)		

Event 535 Men 200 LC Meter Breaststroke

KLQG: 2:11.45 # 5/2023		Pham Thanh Bao		Ben Tre	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
Finals					
1 Pham Thanh, Bao	24	Vinh Long	2:24.23	2:13.47	
r:+0.63 30.41	1:04.53 (34.12)	1:39.11 (34.58)	2:13.47 (34.36)		
2 Nguyen Huu, Kim Son	23	Da Nang	2:31.05	2:18.81	
r:+0.64 31.46	1:07.38 (35.92)	1:43.09 (35.71)	2:18.81 (35.72)		
3 Ta Minh, Hieu	20	Hai Phong	2:28.11	2:18.92	
r:+0.59 31.35	1:07.15 (35.80)	1:42.87 (35.72)	2:18.92 (36.05)		
4 Le Thanh, Duoc	21	Quan Doi	2:29.92	2:19.68	
r:+0.63 31.23	1:07.06 (35.83)	1:44.22 (37.16)	2:19.68 (35.46)		
5 Vo Van, Tien	15	Dong Thap	2:27.76	2:25.25	
r:+0.65 32.58	1:09.96 (37.38)	1:48.45 (38.49)	2:25.25 (36.80)		
6 Ta Viet, Anh	17	Quan Doi	2:29.71	2:25.73	
r:+0.65 33.01	1:09.66 (36.65)	1:46.92 (37.26)	2:25.73 (38.81)		
7 Le Xuan, An	15	Ha Noi	2:27.70	2:28.11	
r:+0.62 33.13	1:10.25 (37.12)	1:49.06 (38.81)	2:28.11 (39.05)		
8 Le Trong, Phuc	20	An Giang	2:27.98	2:28.21	
r:+0.64 32.23	1:09.15 (36.92)	1:48.12 (38.97)	2:28.21 (40.09)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 535 Men 200 LC Meter Breaststroke

KLQG:		2:11.45	#	5/2023	Pham Thanh Bao		Ben Tre	
Name				Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries								
1	Pham Thanh, Bao			24	Vinh Long	2:11.00	2:24.23	q
	r:+0.62	31.55		1:08.48 (36.93)	1:46.29 (37.81)	2:24.23 (37.94)		
2	Le Xuan, An			15	Ha Noi	2:26.00	2:27.70	q
	r:+0.62	33.13		1:10.91 (37.78)	1:49.11 (38.20)	2:27.70 (38.59)		
3	Vo Van, Tien			15	Dong Thap	2:36.00	2:27.76	q
	r:+0.69	33.55		1:11.73 (38.18)	1:50.44 (38.71)	2:27.76 (37.32)		
4	Le Trong, Phuc			20	An Giang	2:20.00	2:27.98	q
	r:+0.64	32.67		1:09.96 (37.29)	1:48.77 (38.81)	2:27.98 (39.21)		
5	Ta Minh, Hieu			20	Hai Phong	2:18.00	2:28.11	q
	r:+0.61	33.92		1:12.05 (38.13)	1:50.59 (38.54)	2:28.11 (37.52)		
6	Ta Viet, Anh			17	Quan Doi	2:27.00	2:29.71	q
	r:+0.63	33.66		1:12.29 (38.63)	1:50.63 (38.34)	2:29.71 (39.08)		
7	Le Thanh, Duoc			21	Quan Doi	2:17.00	2:29.92	q
	r:+0.63	32.82		1:11.79 (38.97)	1:51.75 (39.96)	2:29.92 (38.17)		
8	Nguyen Huu, Kim Son			23	Da Nang	2:20.00	2:31.05	q
	r:+0.68	36.02		1:17.20 (41.18)	1:54.39 (37.19)	2:31.05 (36.66)		
9	Bui Sy, Nhat			18	TP Ho Chi Minh	2:22.67	2:32.17	
	r:+0.63	33.59		1:12.47 (38.88)	1:52.25 (39.78)	2:32.17 (39.92)		
10	Banh Tien, Hung			14	TP Ho Chi Minh	2:30.51	2:32.53	
	r:+0.69	33.84		1:12.79 (38.95)	1:52.38 (39.59)	2:32.53 (40.15)		
11	Ha Huy, Tien			16	Ha Noi	2:30.00	2:48.05	
	r:+0.72	34.71		1:19.12 (44.41)	2:03.89 (44.77)	2:48.05 (44.16)		
---	Tran Anh, Tu			17	TP Ho Chi Minh	NT	X2:33.16	
	r:+0.68	33.14		1:11.04 (37.90)	1:51.34 (40.30)	2:33.16 (41.82)		
---	Tran Phi, Long			12	Quan Doi	NT	X3:00.19	
	r:+0.82	40.07		1:25.98 (45.91)	2:14.06 (48.08)	3:00.19 (46.13)		
---	Nguyen Ngoc, Long			21	Cong An Nhan Dan	2:36.00	NS	
---	Le Pham Kim, Ngan			14	Quan Doi	NT	XNS	

Event 536 Men 4x100 LC Meter Freestyle Relay

Sponsor: Trinh Truong Vinh 100m Tu do; 52"86

KLQG:		#		5/2023		Chuyen, Paul, Jeremie, Phuoc		Da Nang	
Team		Relay		Seed Time		Finals Time		Points	
1	Da Nang	A		NT		3:26.27			
	1) Nguyen Viet, Tuong 21	2) r:0.30 Tran Van, Nguyen Quoc 13	r:0.37 Nguyen Quoc, Khai Hoan4	r:0.46 Hoang Quy, Phuoc 32					
	r:+0.65 25.39	51.61 (51.61)	1:16.38 (24.77)	1:42.64 (51.03)					
	2:07.86 (25.22)	2:35.08 (52.44)	2:59.34 (24.26)	3:26.27 (51.19)					
2	Quan Doi	A		NT		3:29.41			
	1) Duong Van, Hoang Quy 16	2) r:0.49 Tran Hung, Nguyen 22	3) r:0.53 Mai Tran, Tuan Anh 19	4) r:0.06 Nguyen Quang, Thuan 19					
	r:+0.60 25.74	53.29 (53.29)	1:17.94 (24.65)	1:44.23 (50.94)					
	2:09.82 (25.59)	2:37.77 (53.54)	3:02.44 (24.67)	3:29.41 (51.64)					
3	TP Ho Chi Minh	A		NT		3:29.92			
	1) Luong Jeremie, Loic Nino 25	2) r:0.43 Nguyen Quoc, Thuan 18	3) r:0.59 Bui Minh, Khang 17	4) r:0.50 Trinh Truong, Vinh 18					
	r:+0.63 24.19	50.62 (50.62)	1:16.22 (25.60)	1:44.02 (53.40)					
	2:09.98 (25.96)	2:38.15 (54.13)	3:03.20 (25.05)	3:29.92 (51.77)					
4	Ha Noi	A		NT		3:55.88			
	1) Nguyen Huu, Duc 18	2) r:0.53 Ha Van, Toan 16	3) r:0.55 Pham Nhat, Anh 14	4) r:0.38 Ha Huy, Tien 16					
	r:+0.71 28.61	58.78 (58.78)	1:26.49 (27.71)	1:56.67 (57.89)					
	2:24.71 (28.04)	2:55.62 (58.95)	3:23.99 (28.37)	3:55.88 (1:00.26)					

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 537 Women 4x100 LC Meter Freestyle Relay

Sponsor: Nguyen Kha Nhi 100m Tu do: 59''08

KLQG: 3:53.25 # 14/10/2024		TP Ho Chi Minh		HCM	
		P Vu Thi, N Nguyen Kha, P Vu Thi, P Nguyen Diep			
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:54.31		
1) Vu Thi, Phuong Anh 17	2) r:0.34 Nguyen Kha, Nhi 17	3) r:0.50 Nguyen Ngoc, Thuy Tien 4)	r:0.43 Nguyen Diep, Phuong Tra		
r:+0.64 28.65	58.85 (58.85)	1:26.93 (28.08)	1:57.23 (58.38)		
2:25.51 (28.28)	2:55.79 (58.56)	3:23.93 (28.14)	3:54.31 (58.52)		
2 Quan Doi	A	NT	4:05.19		
1) Le Huynh, Tu Uyen 15	2) r:0.51 Vo Thi, Bao Ngoc 14	3) r:0.55 Phan Thi, Thuy An 15	4) r:0.36 Nguyen Thuy, Hien 16		
r:+0.66 29.91	1:01.56 (1:01.56)	1:29.71 (28.15)	2:00.99 (59.43)		
2:30.25 (29.26)	3:01.42 (1:00.43)	3:31.07 (29.65)	4:05.19 (1:03.77)		
3 Tay Ninh	A	NT	4:11.36		
1) Le Thi, Thien Kim 26	2) r:0.56 Ho Kha, Han 16	3) r:0.47 Tran Thi, Hong Cam 24	4) r:0.50 Vo Thi, My Tien 20		
r:+0.80 30.40	1:02.63 (1:02.63)	1:32.62 (29.99)	2:05.50 (1:02.87)		
2:35.84 (30.34)	3:08.52 (1:03.02)	3:37.72 (29.20)	4:11.36 (1:02.84)		
4 Da Nang	A	NT	4:13.99		
1) Le Thi, Thuy Trang 17	2) r:0.29 Hoang Thi, Hai Yen 15	3) r:0.15 Huynh Xuan Mai, Bella 14)	r:0.41 Tran Ngoc, Bang Tam 16		
r:+0.64 29.56	1:01.96 (1:01.96)	1:32.47 (30.51)	2:06.59 (1:04.63)		
2:35.56 (28.97)	3:07.66 (1:01.07)	3:38.73 (31.07)	4:13.99 (1:06.33)		
5 Ha Noi	A	NT	4:48.78		
1) Dinh Thi, Ngoc Diep 18	2) r:0.85 Bui Quynh, Anh 16	3) r:0.39 Le Diem, Quynh 19	4) r:0.34 Nguyen Ngoc, Giang 16		
r:+0.68 30.63	1:06.24 (1:06.24)	1:40.67 (34.43)	2:17.84 (1:11.60)		
2:52.79 (34.95)	3:31.37 (1:13.53)	4:07.73 (36.36)	4:48.78 (1:17.41)		

Event 638 Women 200 LC Meter Backstroke

KLQG: 2:12.25 # 9/2014		Nguyen T Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Hoang Thi, Trang	24	Thanh Hoa	2:40.19	2:19.93	
r:+0.67 33.35	1:08.97 (35.62)	1:44.84 (35.87)	2:19.93 (35.09)		
2 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	2:41.58	2:21.00	
r:+0.61 32.58	1:08.42 (35.84)	1:45.24 (36.82)	2:21.00 (35.76)		
3 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	2:39.82	2:22.51	
r:+0.60 33.44	1:09.86 (36.42)	1:46.86 (37.00)	2:22.51 (35.65)		
4 Nguyen Ngoc, Thuy Tien	17	TP Ho Chi Minh	2:33.90	2:24.52	
r:+0.66 33.47	1:10.80 (37.33)	1:48.62 (37.82)	2:24.52 (35.90)		
5 Tran Anh, Thu	16	Quan Doi	2:34.56	2:24.75	
r:+0.64 34.31	1:11.62 (37.31)	1:49.45 (37.83)	2:24.75 (35.30)		
6 Luong Thi, Minh Nguyệt	14	Thanh Hoa	2:35.91	2:25.90	
r:+0.59 33.68	1:11.34 (37.66)	1:49.15 (37.81)	2:25.90 (36.75)		
7 Nguyen Ngoc, Huyen Tran	14	Vinh Long	2:40.44	2:32.24	
r:+0.64 34.32	1:12.74 (38.42)	1:52.78 (40.04)	2:32.24 (39.46)		
8 Le Dang, Ngoc Tram	13	Vinh Long	2:44.41	2:41.52	
r:+0.58 36.42	1:17.35 (40.93)	1:59.61 (42.26)	2:41.52 (41.91)		

Event 638 Women 200 LC Meter Backstroke

KLQG: 2:12.25 # 9/2014		Nguyen T Anh Vien		Quan Doi	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1 Nguyen Ngoc, Thuy Tien	17	TP Ho Chi Minh	2:20.00	2:33.90	q
r:+0.67 34.87	1:14.98 (40.11)	1:55.79 (40.81)	2:33.90 (38.11)		
2 Tran Anh, Thu	16	Quan Doi	2:23.00	2:34.56	q
r:+0.60 36.56	1:16.03 (39.47)	1:56.73 (40.70)	2:34.56 (37.83)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 638 Women 200 LC Meter Backstroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
3 Luong Thi, Minh Nguyệt	14	Thanh Hoa	2:21.00	2:35.91	q
r:+0.62 35.89	1:14.83 (38.94)	1:55.08 (40.25)	2:35.91 (40.83)		
4 Le Thi, Kim Ngan	24	An Giang	2:22.00	2:39.82	q
r:+0.64 36.38	1:16.88 (40.50)	1:58.73 (41.85)	2:39.82 (41.09)		
5 Hoang Thi, Trang	24	Thanh Hoa	2:20.00	2:40.19	q
r:+0.72 36.70	1:17.62 (40.92)	1:59.15 (41.53)	2:40.19 (41.04)		
6 Nguyen Ngoc, Huyen Tran	14	Vinh Long	2:24.00	2:40.44	q
r:+0.62 37.58	1:18.71 (41.13)	2:00.34 (41.63)	2:40.44 (40.10)		
7 Nguyen Diep, Phuong Tram	24	TP Ho Chi Minh	2:20.95	2:41.58	q
r:+0.65 38.38	1:20.40 (42.02)	2:00.72 (40.32)	2:41.58 (40.86)		
8 Le Dang, Ngoc Tram	13	Vinh Long	2:32.00	2:44.41	q
r:+0.58 38.40	1:20.28 (41.88)	2:02.80 (42.52)	2:44.41 (41.61)		
9 Dinh Thi, Ngoc Diep	18	Ha Noi	2:36.00	2:51.94	
r:+0.57 38.95	1:23.03 (44.08)	2:08.53 (45.50)	2:51.94 (43.41)		
10 Nguyen Ngoc, Giang	16	Ha Noi	2:35.00	2:53.79	
r:+0.68 38.94	1:23.07 (44.13)	2:08.03 (44.96)	2:53.79 (45.76)		
--- Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X2:13.47	
r:+0.66 31.25	1:05.18 (33.93)	1:39.71 (34.53)	2:13.47 (33.76)		
--- Nguyen Vinh, Thai Bao	14	TP Ho Chi Minh	NT	X2:18.13	
r:+0.51 31.31	1:05.55 (34.24)	1:41.51 (35.96)	2:18.13 (36.62)		
--- Pham Truong, Thinh	13	TP Ho Chi Minh	NT	X2:18.27	
r:+0.50 32.14	1:07.28 (35.14)	1:43.41 (36.13)	2:18.27 (34.86)		
--- Le Dinh, Binh An	13	Quan Doi	NT	X2:28.17	
r:+0.64 34.00	1:12.33 (38.33)	1:50.68 (38.35)	2:28.17 (37.49)		
--- Nguyen Thi, Anh Ngoc	15	Ha Noi	NT	X2:51.96	
r:+0.65 39.44	1:21.99 (42.55)	2:06.77 (44.78)	2:51.96 (45.19)		

Event 639 Men 200 LC Meter Backstroke

KLQG: 2:01.34 # 5/2023		Tran Hung Nguyen		Quan Doi		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Tran Hung, Nguyen	22	Quan Doi	2:00.00	2:03.65		
r:+0.56 29.57	1:01.54 (31.97)	1:33.56 (32.02)	2:03.65 (30.09)			
2 Cao Van, Dung	22	Ha Noi	2:02.00	2:05.66		
r:+0.58 29.76	1:01.72 (31.96)	1:33.54 (31.82)	2:05.66 (32.12)			
3 Mai Tran, Tuan Anh	19	Quan Doi	2:04.00	2:06.20		
r:+0.54 30.01	1:02.63 (32.62)	1:34.82 (32.19)	2:06.20 (31.38)			
4 Trinh Truong, Vinh	18	TP Ho Chi Minh	2:05.85	2:06.99		
r:+0.59 29.52	1:01.90 (32.38)	1:34.77 (32.87)	2:06.99 (32.22)			
5 Tran Minh, Thien	15	TP Ho Chi Minh	2:12.22	2:12.38		
r:+0.59 31.31	1:04.43 (33.12)	1:38.05 (33.62)	2:12.38 (34.33)			
6 Nguyen Tri, Viet	14	Da Nang	2:14.00	2:15.00		
r:+0.54 29.75	1:02.96 (33.21)	1:38.66 (35.70)	2:15.00 (36.34)			
7 Pham Quoc, Cuong	12	Vinh Long	2:20.00	2:21.32		
r:+0.60 32.04	1:08.70 (36.66)	1:45.88 (37.18)	2:21.32 (35.44)			
8 Ha Huy, Tien	16	Ha Noi	2:16.00	2:31.26		
r:+0.58 32.80	1:11.05 (38.25)	1:51.84 (40.79)	2:31.26 (39.42)			

Event 640 Women 200 LC Meter Butterfly

KLQG: 2:10.92 # 12/2018		Le Thi My Thao		Binh Phuoc		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Vo Thi, My Tien	20	Tay Ninh	2:12.12	2:13.38		
r:+0.67 29.70	1:03.11 (33.41)	1:37.47 (34.36)	2:13.38 (35.91)			

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

(Event 640 Women 200 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
2	Le Thi, Thuy Trang	17	Da Nang	2:15.00	2:17.53	
	r:+0.66 31.22	1:06.51 (35.29)	1:41.69 (35.18)	2:17.53 (35.84)		
3	Nguyen Ngoc, Tuyet Han	16	Dong Thap	2:15.00	2:17.58	
	r:+0.65 30.91	1:05.59 (34.68)	1:41.64 (36.05)	2:17.58 (35.94)		
4	Truong Thanh, Truc	14	Quan Doi	2:22.00	2:22.24	
	r:+0.72 31.48	1:07.78 (36.30)	1:44.63 (36.85)	2:22.24 (37.61)		
5	Pham Thu, Trang	14	Quang Ninh	2:19.33	2:26.67	
	r:+0.74 32.10	1:09.02 (36.92)	1:47.49 (38.47)	2:26.67 (39.18)		
6	Tran Ngoc, Bang Tam	16	Da Nang	2:25.00	2:32.46	
	r:+0.67 32.75	1:11.24 (38.49)	1:51.36 (40.12)	2:32.46 (41.10)		
7	Tran Thi, Thanh Ha	12	Quang Tri	2:35.00	2:39.90	
	r:+0.51 34.78	1:16.24 (41.46)	1:58.24 (42.00)	2:39.90 (41.66)		
8	Nguyen Vuong, Gia Ky	13	Vinh Long	2:32.00	3:31.43	
	r:+0.78 38.67	1:32.54 (53.87)	2:33.18 (1:00.64)	3:31.43 (58.25)		

Event 641 Men 200 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:58.81 # 5/2022				Quang Binh		
	Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final						
1	Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	2:10.04	2:01.29	
	r:+0.67 27.71	59.13 (31.42)	1:30.60 (31.47)	2:01.29 (30.69)		
2	Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	2:09.82	2:01.42	
	r:+0.68 27.51	58.60 (31.09)	1:29.93 (31.33)	2:01.42 (31.49)		
3	Duong Van, Hoang Quy	16	Quan Doi	2:13.73	2:02.57	
	r:+0.62 27.93	59.33 (31.40)	1:30.94 (31.61)	2:02.57 (31.63)		
4	Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	2:14.47	2:06.17	
	r:+0.70 28.03	59.53 (31.50)	1:32.12 (32.59)	2:06.17 (34.05)		
5	Nguyen Tri, Phong	17	Can Tho	2:14.24	2:07.13	
	r:+0.69 28.86	1:01.36 (32.50)	1:33.90 (32.54)	2:07.13 (33.23)		
6	Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	2:12.99	2:07.91	
	r:+0.64 28.39	1:00.74 (32.35)	1:33.77 (33.03)	2:07.91 (34.14)		
7	Nguyen Quoc, Khai Hoan	22	Da Nang	2:13.20	2:08.06	
	r:+0.62 28.00	59.95 (31.95)	1:32.11 (32.16)	2:08.06 (35.95)		
8	Liêu Chi, Vy	17	An Giang	2:17.73	2:13.41	
	r:+0.72 28.77	1:02.41 (33.64)	1:37.41 (35.00)	2:13.41 (36.00)		

Event 641 Men 200 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:58.81 # 5/2022				Quang Binh		
	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries						
1	Nguyen Quang, Thuan	19	Quan Doi	2:00.00	2:09.82	q
	r:+0.70 29.22	1:02.12 (32.90)	1:36.02 (33.90)	2:09.82 (33.80)		
2	Nguyen Huy, Hoang	25	Quang Tri	2:01.50	2:10.04	q
	r:+0.72 28.69	1:01.46 (32.77)	1:35.77 (34.31)	2:10.04 (34.27)		
3	Do Ngoc, Vinh	21	Ha Noi	2:00.00	2:12.99	q
	r:+0.63 28.74	1:03.45 (34.71)	1:38.72 (35.27)	2:12.99 (34.27)		
4	Nguyen Quoc, Khai Hoan	22	Da Nang	2:02.00	2:13.20	q
	r:+0.62 29.33	1:03.93 (34.60)	1:39.37 (35.44)	2:13.20 (33.83)		
5	Duong Van, Hoang Quy	16	Quan Doi	2:01.00	2:13.73	q
	r:+0.62 29.32	1:04.14 (34.82)	1:39.23 (35.09)	2:13.73 (34.50)		
6	Nguyen Tri, Phong	17	Can Tho	2:04.00	2:14.24	q
	r:+0.72 30.11	1:05.35 (35.24)	1:40.76 (35.41)	2:14.24 (33.48)		
7	Nguyen Viet, Tuong	21	Da Nang	2:00.00	2:14.47	q
	r:+0.69 29.65	1:03.42 (33.77)	1:38.98 (35.56)	2:14.47 (35.49)		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Preliminaries ... (Event 641 Men 200 LC Meter Butterfly)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
8 Liêu Chi, Vy	17	An Giang	2:07.00	2:17.73 q
r:+0.69 30.21	1:04.93 (34.72)	1:41.48 (36.55)	2:17.73 (36.25)	
9 Nguyen Phan, Nhat Quang	17	TP Ho Chi Minh	2:12.21	2:20.90
r:+0.67 30.97	1:06.72 (35.75)	1:44.08 (37.36)	2:20.90 (36.82)	
10 Nguyen Van, Hai	22	Ha Noi	2:03.00	2:26.01
r:+0.74 31.87	1:09.23 (37.36)	1:48.26 (39.03)	2:26.01 (37.75)	
11 Phan Quoc, Khanh	13	Quang Tri	2:18.00	2:26.03
r:+0.62 31.72	1:08.66 (36.94)	1:47.07 (38.41)	2:26.03 (38.96)	
--- Nguyen Thanh, Dat	15	Quan Doi	NT	X2:13.82
r:+0.64 30.47	1:04.43 (33.96)	1:38.96 (34.53)	2:13.82 (34.86)	
--- Le Dinh, Binh An	13	Quan Doi	NT	X2:18.29
r:+0.60 30.85	1:06.13 (35.28)	1:42.05 (35.92)	2:18.29 (36.24)	
--- Tran Gia, Phuc	15	Quan Doi	NT	X2:18.40
r:+0.69 30.79	1:06.28 (35.49)	1:42.95 (36.67)	2:18.40 (35.45)	
--- Nguyen Huu, Duc	18	Ha Noi	NT	X2:22.45
r:+0.73 30.91	1:06.26 (35.35)	1:43.86 (37.60)	2:22.45 (38.59)	

Event 642 Women 4x200 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 8:27.22 # 5/2023		Tien,Hien,Thuy,Van		Doi tuyen	
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	8:32.94		
1) Vu Thi, Phuong Anh 17	2) r:0.34 Nguyen Kha, Nhi 17	3) r:0.30 Nguyen Ngoc, Thuy Tien 4) Nguyen Diep, Phuong Tram 24			
r:+0.65 29.35	1:01.27 (1:01.27)	1:34.18 (1:34.18)	2:08.10 (2:08.10)		
2:36.39 (28.29)	3:08.32 (1:00.22)	3:40.96 (1:32.86)	4:13.06 (2:04.96)		
4:42.61 (29.55)	5:17.00 (1:03.94)	5:51.42 (1:38.36)			
6:53.77 ()	7:27.44 ()	8:01.84 ()	8:32.94 ()		
2 Quan Doi	A	NT	8:34.53		
1) Le Huynh, Tu Uyen 15	2) Vo Thi, Bao Ngoc 14	3) r:0.47 Phan Thi, Thuy An 15	4) r:0.40 Nguyen Thuy, Hien 16		
r:+0.69 29.83	1:02.36 (1:02.36)	1:36.48 (1:36.48)			
2:38.84 ()	3:11.83 ()	3:46.00 ()	4:19.65 ()		
4:49.74 (30.09)	5:22.56 (1:02.91)	5:56.86 (1:37.21)	6:30.97 (2:11.32)		
6:59.32 (28.35)	7:31.23 (1:00.26)	8:03.32 (1:32.35)	8:34.53 (2:03.56)		
3 Tay Ninh	A	NT	9:26.28		
1) Ho Kha, Han 16	2) Tran Thi, Hong Cam 24	3) r:0.59 Le Thi, Thien Kim 26	4) r:0.55 Vo Thi, My Tien 20		
r:+0.74 31.55	1:06.04 (1:06.04)	1:42.25 (1:42.25)			
2:50.58 ()	3:25.46 ()	4:02.33 ()	4:40.20 ()		
5:11.76 (31.56)	5:48.24 (1:08.04)	6:26.65 (1:46.45)	7:04.86 (2:24.66)		
7:36.97 (32.11)	8:12.47 (1:07.61)	8:49.57 (1:44.71)	9:26.28 (2:21.42)		
4 Da Nang	A	NT	9:32.40		
1) Huynh Xuan Mai, Bella 17	2) r:0.60 Hoang Thi, Hai Yen 15	3) Tran Ngoc, Bang Tam 16	4) Le Thi, Thuy Trang 17		
r:+0.72 31.68	1:06.96 (1:06.96)	1:43.60 (1:43.60)	2:20.34 (2:20.34)		
2:52.40 (32.06)	3:29.09 (1:08.75)	4:07.40 (1:47.06)			
5:18.14 ()	5:54.43 ()	6:32.10 ()			
7:38.85 ()	8:16.56 ()	8:54.41 ()	9:32.40 ()		
5 Ha Noi	A	NT	10:32.28		
1) Le Diem, Quynh 19	2) r:0.60 Dinh Thi, Ngoc Diep 18	3) r:0.49 Nguyen Ngoc, Giang 16	4) Nguyen Thi, Anh Ngoc 15		
r:+0.71 33.83	1:13.76 (1:13.76)	1:56.99 (1:56.99)	2:37.17 (2:37.17)		
3:10.46 (33.29)	3:48.96 (1:11.79)	4:29.40 (1:52.23)	5:10.07 (2:32.90)		
5:45.47 (35.40)	6:26.73 (1:16.66)	7:09.27 (1:59.20)			
8:28.23 ()	9:09.59 ()	9:52.36 ()	10:32.28 ()		

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2025 - 04/10/2025 to 09/10/2025

Results

Event 643 Men 4x200 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 7:16.21 # 5/2022		Phuoc, Nguyen, Hoang, Son		Doi Tuyen		
Team		Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1 Da Nang		A	NT	7:44.94		
1) Nguyen Huu, Kim Son 23	2) r:0.37 Tran Van, Nguyen Quoc 13	r:0.52 Nguyen Viet, Tuong 21	4) r:0.63 Hoang Quy, Phuoc 32			
r:+0.64 26.71	55.69 (55.69)	1:24.78 (1:24.78)	1:52.22 (1:52.22)			
2:18.95 (26.73)	2:48.37 (56.15)	3:18.18 (1:25.96)	3:47.05 (1:54.83)			
4:14.00 (26.95)	4:43.15 (56.10)	5:13.03 (1:25.98)	5:42.20 (1:55.15)			
6:08.75 (26.55)	6:38.49 (56.29)	7:11.20 (1:29.00)	7:44.94 (2:02.74)			
2 Quan Doi		A	NT	7:58.82		
1) Tran Hung, Nguyen 22	2) r:0.57 Mai Tran, Tuan Anh 19	3) Duong Van, Hoang Quy 16	4) r:0.67 Nguyen Quang, Thuan 19			
r:+0.66 27.00	55.85 (55.85)	1:24.12 (1:24.12)	1:51.87 (1:51.87)			
2:19.83 (27.96)	2:50.44 (58.57)	3:21.27 (1:29.40)				
4:19.14 ()	4:50.23 ()	5:21.50 ()	5:51.21 ()			
6:19.29 (28.08)	6:51.32 (1:00.11)	7:25.11 (1:33.90)	7:58.82 (2:07.61)			
3 TP Ho Chi Minh		A	NT	8:04.97		
1) Nguyen Quoc, Thuan 18	2) r:0.47 Le Do, Gia Khang 20	3) r:0.54 Tran Minh, Thien 15	4) r:0.49 Trinh Truong, Vinh 18			
r:+0.69 27.28	56.63 (56.63)	1:27.62 (1:27.62)	1:58.46 (1:58.46)			
2:25.67 (27.21)	2:55.07 (56.61)	3:25.30 (1:26.84)	3:55.50 (1:57.04)			
4:23.24 (27.74)	4:54.02 (58.52)	5:25.23 (1:29.73)	5:55.79 (2:00.29)			
6:26.28 (30.49)	6:58.90 (1:03.11)	7:32.27 (1:36.48)	8:04.97 (2:09.18)			
4 Ha Noi		A	NT	9:21.42		
1) Nguyen Huu, Duc 18	2) r:0.32 Pham Nhat, Anh 14	3) r:0.72 Ha Van, Toan 16	4) r:0.59 Ha Huy, Tien 16			
r:+0.67 29.45	1:02.42 (1:02.42)	1:36.75 (1:36.75)	2:09.81 (2:09.81)			
2:40.46 (30.65)	3:14.96 (1:05.15)	3:52.50 (1:42.69)	4:28.96 (2:19.15)			
4:58.63 (29.67)	5:31.88 (1:02.92)	6:07.42 (1:38.46)	6:42.81 (2:13.85)			
7:17.20 (34.39)	7:56.33 (1:13.52)	8:39.97 (1:57.16)	9:21.42 (2:38.61)			